NĂM THỨ TƯ Số 158 Thứ năm 14 Septembre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAU ILME-HANOI

MỤC LỤC

* Một đề nghị về văn-học — *Hoàn-Bằng*
* Ca dao mới — *Cô Anh-Đào*
* Tinh thần quân nhân — *Tiên-Đàm*
* Thời kỳ văn học phôi thai (I) — *Kiều-thanh-Quế*
* Nguyễn-Biểu — *Nhật-Nham*
* Một quyển sách nói về Bà Trưng (II) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Ba người thợ cầu mẫn (VI) — *Lê-Thanh*
* Những ông Nghè triều Lê (XCV) — *Ưng-hòe*
* Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam — *Đào-trọng-Đủ*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXV) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Đại nam dật sự (XLI) — *Ưng-hòe*
* Bốn năm trên đảo Các-Ba (hết) — *Vân-Đài*
* An-Tư, tiểu thuyết (XI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$50

MỘT ĐỀ NGHỊ VỀ VĂN-HỌC

HOÀ-BẰNG

Khi viết, ta thường gặp cái trường-hợp khó xử này: cách xưng-hô đối với các nhân-vật trong một bài văn hay một cuốn sách.

Để tôn xưng các bậc tiền-bối, ta thường gọi là cụ, nhưng lắm khi lại kêu là ông, vì thế, sự xưng-hô thường không được phải-trí.

Ví dụ:

Cùng ở một chỗ, nếu ta viết: Ông Đào Duy-Từ, bị các nhà đương đạo Bắc-hà không cho thi vì lấy cớ rằng ông là con nhà phường trèo, nên ông phải phẫn, vào Nam giúp Sãi-vương, dựng được công-nghiệp bất hủ.

Cụ Nguyễn Công-Trứ vì lạo-đảo trường ốc, đã toan xếp « cung kiếm cầm thư vào một gánh », làm một phen cho « rõ mặt trượng-phu kềnh. » Khoa sau cùng ấy nếu cụ không đỗ thì có lẽ cụ đã làm giặc như Cao-Bá Quát rồi đó!

Vậy tại sao có sự xưng-hô khác nhau như thế?

Hoặc cụ, hoặc ông, lắm khi vì vô tình mà ta đã viết ra một cách sai-biệt. Nhưng cái cớ xưng-hô sai-biệt ấy, không phải người cầm bút có ý thiên-tư giấu chẳng qua hoặc vì cho rằng đó là một sự thường mà không để ý, hoặc vì ông Đào ở xa đời, đối với ta đã quá xa, nên ta gọi là *ông*, cũng như ta đã gọi *ông* Tô Hiến-Thành, *ông* Lý Thường-Kiệt... vậy. Còn ông Nguyễn ở gần đời, đối với ta, gần hơn, nên ta gọi là *cụ* để tỏ ý tôn xưng. Đó cũng như các nhà tư gia làm giỗ: Giỗ cha thường to hơn giỗ ông, mà giỗ ông lại trọng hơn giỗ cụ. Ấy vì tình thân khác nhau, nên ta mới thân với người thân trước. Nhưng kể lý ra, có cụ mới có ông, có ông mới có cha, sao lại « sái » cụ, « sái » ông mà « phong » cha thế?

Vậy bây giờ ta nên « xử » thế nào cho phải lẽ?

Lối tây có cách rất tiện là đối với các nhân-vật trong chính-giới hay văn-giới này khác, một khi họ đã qua đời rồi, người ta cứ việc gọi tên, không phải kiêng trại gì cả. Người ta lại có những tiếng đại-danh-từ rất tiện là *il* để chỉ về giống đực, *elle* để chỉ về giống cái, thành thử trong sự xưng-hô có cái tính-thần bình-đẳng rất quí.

Còn Nhật và Tàu thì có chữ « thị » 氏 cũng tiện. Như nói về Đào Duy-Từ hay Nguyễn Công-Trứ, người ta chỉ thêm một chữ « thị » vào dưới chữ tên là đủ trang-trọng lắm rồi. Kế đó, hễ nhắc đến ông Đào hay ông Nguyễn ở trên, người ta bèn dùng chữ « *thị* » làm đại-danh-từ.

Gần nay, trong quốc văn, có lối dùng họ để chỉ về nhân-vật một khi ở trên đã nói. Như trên đã nói Đào Duy-Từ rồi, thì dưới chỉ cần nhắc lại là Đào cũng đủ. Nhưng khổ một nỗi là, nếu gặp câu văn trên nói cả hai người họ Đào vào một chỗ, thì lại khó xử. Ví dụ: « Đào Tiềm là một cao-sĩ đời Tấn, Đào Duy-Từ là một công-thần đời Nguyễn: cả hai đều là những bậc danh nhân của Đông phương.

Nếu dưới muốn thêm: yêu *Đào*, vì *Đào* đã biết thực hành được cái sở học. » Như thế ai còn biết là chỉ về Đào tà hay Đào tàu nữa?

Vậy, sự dùng họ để thay cụ và ông ở trên cũng tùy từng trường-hợp mới áp dụng được.

Nay muốn có cách xưng-hô cho tiện trong khi viết thì làm thế nào.

Tôi thử đề nghị:

Đối với những nhân vật ta qua đời, ta nên chép thẳng tên họ, chữ không cần phải kêu là ông hay cụ gì cả. Nếu là phụ nữ thì đã thường có chữ *thị* để phân-biệt, thường cũng khó lẫn. Còn tiếng đại-danh-từ để chỉ về người mình vừa nói đó thì nên dùng chữ « *thị* » (氏) để chỉ về phụ nữ, và dùng chữ *hầu* (侯) để chỉ về đàn ông.

Cử lệ:

Đoàn-thị Điểm là tay văn học trứ danh trong đàm nữ lưu ta; nhưng bản dịch *Chinh phụ ngâm* không biết có phải là của thị dịch không, vì từ trước đến nay, ngoài sự lương truyền ra chưa có chứng cớ gì đủ tỏ là của thị đã dịch.

Phan Huy-Ích tuy có mượn thơ bằng chữ hán chép trong *Thi am ngâm lục* nói là có thể *Chinh phụ ngâm*, nhưng vẫn

(Xem tiếp trang 21)

Ca dao mới

Đam qua tát nước giữa đồng,
Nước non một chiếc gầu sòng đầy đưa.
Nghĩ thân lẽ yếu đào tơ,
Sông dài, bể rộng bao giờ tát voi!

***

Ngồi buồn giở đến chỉ kim
May vá vá chỉ em chẳng rồi.
Màn trời rách nát ơi bời,
Canh tàn đêm lụn quyết ngồi cho xong.

***

Con cò lặn lội bờ sông,
Đêm hôm khuya khoắt lạnh lùng tấm thay!
Nặng nề ai bới cỏ hay?
Tấm lòng eòn quần chưa cay là gì:

***

Kia ai xe ngựa nghênh-ngang,
Đêm đông ấm áp trên đường rủi giong!
Kia ai đồng vộng mênh-mông,
Canh khuya tát nước lạnh-lùng gió sương!

***

Một mình giữa [illegible] dượng xa,
Trời chiều, gánh nặng, bể nhờ cậy ai!
Đã sinh ra kiếp anh tài,
Non cao bể rộng dường dài quản chi!

***

Ngồi buồn giở sách xem chơi,
Xem gương kim cổ xem người ngàn xưa,
Xem trong thế sự cuộc cờ:
Lợi danh xem ở như giờ hay không?

***

Đua chen lanh lợi trong vòng,
Kẻ vừa ra khỏi, người mong bước vào.
Công hầu khanh tướng xôn-xao
Chẳng qua một giấc chiêm bao đâm dài!

***

Mờ mờ dưới bóng trăng thanh,
Hiu hiu gió thổi buồn tanh lắm dài...
Là là phảng-phất hồn ai,
Hay hồn tráng sĩ ở nơi chiến trường?

CỔ ANH-ĐÀO

TINH THẦN QUÂN NHÂN (1)

TIÊN-ĐÀM

Trong bài sử của Tống Cảo sang sứ nước ta vào đời Tiền Lê (2) có chê quân ta :

« Đồ binh khí chỉ có cung nỏ, mộc bài, giáo gỗ, giáo tre, yếu ớt không thể dùng được ! ».

Lại trong tập kỷ hành của người Âu tên là Pierre Poivre khi đến thăm chúa Võ-Vương nhà Nguyễn (3) có ghi :

« Lính (Việt-Nam) lương bổng không có là bao và ăn uống khám khổ việc binh không được người nước hoan nghênh ». Ông Poivre lại chua thêm : « chính mắt trông thấy hai người thanh-niên cỡ mang gông, đó là lính mới mộ. »

Nếu căn cứ vào những nhời phê bình trên thì binh lực Việt-nam không ra gì và binh chế cũng không có qui định.

Sang, tốc thay ! Người ngoại quốc từ xa đến, mắt thấy, tai nghe được việc gì vội biên ngay ra, trong lòng vốn có thành kiến nên những nhời ghi lại cũng thành ra thiên vậy.

Ta cũng không cần cải chính chỉ giở lại những trang biên bách của quốc sử Việt-nam, ta sẽ nhận thấy quân nhân của ta hồi xưa sở dĩ tự Tống, bình Chiêm, trống Nguyên, đánh Minh, phá Thanh đều có một tinh thần rõ rệt, cái tinh thần ấy qua các đời chỉ thấy cố kết và phát hiện ra bằng nhời nói, việc làm và cả ở những từ chương nữa.

Thì ngay triều Lý nhân Tông (1072-1127) nhà Tống đem binh sang đánh, thế mạnh như hổ dữ ; tháng chạp năm Bính thìn (1076) quân Tống vào địa hạt nước ta nhà vua sai Lý Thường Kiệt (4) đem binh cự địch.

Lý Thường Kiệt đánh chẹn quân Tống ở sông Như-Nguyệt (tức sông Cầu bây giờ) quân Tống thua, chết trận hơn 1000 người. Chiêu thảo sứ Quách Quì-tiến quân về đóng ở phía Tây sông Phú lương, Thường Kiệt lại đem binh thuyền đón đánh ngăn không cho quân Tống qua sông. Quân Tống mới chặt gỗ làm máy bắn đá sang như mưa, thuyền của ta thủng mất nhiều, quân sĩ chết mấy nghìn người Lúc bấy giờ quân Tống đánh hăng lắm, Thường Kiệt tốt sức trống giữ nhưng sợ quân mình có ngã lòng chăng, bèn đặt ra một câu chuyện nói rằng có thần cho bốn câu thơ :

« Nam quốc sơn hà nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư ! »

Quân lính nghe đọc mấy câu thơ ấy ai nấy đều nức lòng đánh giặc, quân nhà Tống không tiến lên được (5).

Bốn câu thơ trên nào chắc đã phải thần cho, biết đâu không tự Lý thường Kiệt đặt ra và biết đâu không phải đấy là tinh thần của non sông, đất nước, đã làm cho lòng quân hăng hái, nức lòng mà trống giặc !

Thế nước còn lúc nào nguy hăng triều nhà Trần, khoảng các đời Thái Tông (1225-1258) Thánh Tông (1258 — 1278) Nhân Tông (1279-1293) quân Mông Cổ kéo sang đầy đồng chật đất, ào-ào như gió bão, cuồn-cuộn như nước triều, nhà vua hai phen bỏ kinh thành Thăng Long, xa giá chạy vào Thanh hoá, thế nước « ngất ngưởng như trứng treo » vua tôi nhà Trần đã có lúc muốn hàng nhà Nguyên để cứu lấy trăm họ, nhưng quân dân buổi ấy đều nức lòng đánh giặc. Hội nghị Diên Hồng là một hội nghị chưa từng có trong lịch-sử, thái độ cương quyết của Hưng-đạo-Vương, Trần-quốc-Tuấn : « Nếu Bệ-hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã rồi sau sẽ hàng ! » đều là những cử chỉ tỏ rõ cái tinh thần cũng cố lúc ấy vậy.

Rồi cùng ông Tiết chế ấy khi sắp ra quân trống Nguyên đã phủ dụ quân sĩ : « Bản chức phụng-mệnh Thống đốc quân-sĩ ra phá giặc. Các Vương hầu và các tướng sĩ ai nấy cần phải giữ phép tắc, đi đâu không được nhiễu dân và phải đồng lòng hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các ngươi phải giữ »

Thật là những nhời vàng đá dốc tâm can, phế phủ phát ra ! Nhưng cũng chưa đủ ! Lại phải có hai chữ « sát thát » lại phải thêm bài hịch tướng sĩ mới cả phá được quân Nguyên, làm cho Mông Cổ kinh hồn, táng đởm.

Như thế đủ tỏ rằng, khi quan tướng hết lòng, ba quân hợp sức thời dù quân bách chiến bách thắng (1) Mông Cổ đã từng giẫy sẽo lên các nước châu Âu châu Á, cũng khó lòng trống nổi.

Có đại lượng như thế làm gì không có tỷ hưu trung nghĩa mà chết không hàng giặc.

Trong trận ở bãi Dạ mặc (về khu sông Thân mặc, huyện Đông yên, tỉnh Hưng yên) tướng nhà Trần là Trần Bình Trọng bị bắt. Thoát Hoan thấy là viên dũng tướng muốn dụ về phe, thết đãi cho ăn bổng, nhưng Bình Trọng không ăn, đỗ dành hỏi việc nước, Bình Trọng không hỏi, sau Thoát Hoan hỏi : « Có muốn làm Vương đất Bắc không ? » Bình Trọng quát lên ! « Tá thà làm quỉ nước Nam chứ không thèm làm Vương đất Bắc ! » (6) Khẳng khái thay câu giả nhời và tiết nghĩa thay Trần Bình Trọng !

Những bài thơ hất hủ của Trần quang Khải của Phạm ngũ Lão (7) đều tỏ ra chí khí của các tướng nhà Trần. Nhân tài như thế, văn chương như thế, làm gì không thành công ! đó là một thời oanh liệt còn ghi trong sử sách.

Lại lúc nào nhục nhã cho bằng khi thuộc Minh, các quan Tầu thì hà khắc, gian ác mà một người dám đứng lên phất cờ nghĩa ; mười năm khó nhọc bình định non sông, gây thành cơ nghiệp nhà Hậu Lê.

Chỉ một bài cáo Bình Ngô của nhà danh nho Nguyễn Trãi đủ bao hàm tất cả sự nghiệp oanh liệt của vua Lê Thái Tổ (1428-1433) và lòng dũng cảm của quân nhân đời ấy.

Lê Lai thay áo chịu chết cho chúa, quân sĩ ba phen thất bại lui về Chi Linh không sao làm mất tinh thần của quân nhân mà chính lại giúp vua Lê Thái Tổ lập nên nền đại định.

> **Thống-chế Pétain đã nói :**
>
> Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bổn lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc, tài sáng kiến và chí phát minh.

Vua khai sáng thì thế, đến đời Thánh Tông (1460-1479) nhờ cái tinh thần quân nhân ấy mở rộng bờ cõi về hướng nam mà trong buổi họp quân quan định việc giao thiệp nước Tầu, nhà vua đã hăng hái mà bảo nhời tâm huyết : « Ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy một phần núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại. »

Tình thế bỗng rồi lại thấy hiện ra dưới triều vua Hiển Tông (1740-1786) trong thì nội loạn, ngoài thì nhà Thanh dòm ngó. Thế mà một người áo vải, khởi từ bình dân, đã đứng lên cùng thủ hạ phần đông dân Quảng, Quảng, rồi hai phen rong ruổi ra Bắc, lần thứ nhất lấy nghĩa tôn phù, lần thứ hai phá 20 vạn quân Thanh để đánh dấu ở sử sách một võ công độ nhất.

Người ấy là Nguyễn Huệ — hay Quang Trung đế — người ấy trong buổi duyệt binh đánh Thanh ở Nghệ an đã nói những gì ?

Thì đây, sử sách còn ghi :

Cuối năm sang quen này là [illegible] ra Quyên này thân coi việc quân, đánh dẹp đã định mọi rồi, đuổi quân Tầu về

(Xem tiếp trang 21)

(1) Trích ở cuốn « Lược Khảo binh chế Việt nam » đang in.

(2) xem bài « Nước Nam ta về đời Tiền Lê » của cụ Ứng Hoè Nguyễn-văn-Tố — Tri Tân số 3 ngày 17 Juin 1941 (trang 9).

(3) Nguyên văn : Les soldats sont mal nourris et très mal payés. Le service militaire est très mal accueilli. Poivre note avoir vu un cortège de deux jeunes gens la cangue au cou, ce sont les recrues (Relation de voyage de P. Poivre en Annam (1749-1750).

(4) Lý Thường Kiệt người phường Thái Hoà, huyện Thọ Xương Hanoi (tức là phố hàng Buồm là một viên danh tướng nhà Lý.

(5) thuật theo Việt Nam sử lược của T. T. Kim.

(6) thuật theo Việt Nam sử lược của T. T. Kim.

7 — Thơ của Trần quang Khải

Đoạt sáo chương dương độ
Cầm Hồ Hàm tử quan
Thái bình nghi ngã lực
Vạn cổ thử giang sơn

Dịch

Chương dương cướp giáo giặc
Hàm tử bắt quân Hồ
Thái bình nên gắng sức
Non nước ấy nghìn thu

Thơ của Phạm ngũ Lão

Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu.
Tam quân tỳ hổ khí Thôn Ngưu
Nam nhi vị liễu công danh trái
Tự thính nhân gian thuyết Võ Hầu

Dịch

Ngọn giáo non sông trải mấy thu.
Ba quân hàng hổ át sao Ngưu
Công danh nên để còn vướng nợ
Luống thẹn tai nghe truyện Võ Hầu.

Cuộc tiến-hóa văn-học Âu-châu

I) THỜI KỲ VĂN HỌC PHÔI THAI

KIỀU-THANH-QUÉ

Trong tất cả các môn nằm trong phạm vi nghệ thuật, Hégel chỉ cho thơ ca là cao hơn cả. Theo ông, thứ mỹ thuật nào lấy vật chất làm cơ sở nhiều thời tự truất phẩm giá xuống; Kiến trúc là thứ nghệ thuật kém phẩm giá hơn hết, đối-lập với thơ ca là một sản phẩm nghệ thuật cao hơn hết. Hégel phân biệt cao thấp như thế này: Kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc, rồi mới đến thơ ca.

Thơ ca lại nằm trong văn học. Do đó, ta có thể viết hai cái định thức này:

Văn học = nghệ thuật (tư tưởng + tình cảm) văn tự.

Thơ ca = tư tưởng + tình cảm.

Thơ ca sở dĩ phát xuất được là do tánh tình bồng bột của cá nhân; bởi thế cái cơ phát sanh khả năng của nó phải có rất sớm trong thời kỳ văn học phôi thai.

Nhà danh sĩ Đức Macken làm sách *Văn học nói cuộc tiến hóa*, có bảo: « Thơ ca xuất biện rất sớm ». Các nhà xã hội học, tâm lý học đại danh trên thế giới, sau làm công trình nghiên-cứu, cũng đều kết luận rằng: Văn học khởi thủy bằng vần văn. Cứ lấy dẫn chứng này mà suy lất rõ:

Dân Úc-châu hiện nay còn trong vòng bán khai, ăn lông ở lỗ, tuy văn tự, chưa có mà vẫn có thơ ca khẩu truyền. Mà chẳng phải riêng gì dân Úc châu, dân-tộc nào trong thời kỳ bán khai cũng bộc lộ tâm tình bằng thơ ca khẩu truyền, nó được mạng-danh là *ca dao*!

Haeckel dạy; cứ nhìn cử chỉ, lắng nghe ngôn ngữ của đứa bé mà suy diễn.

Đứa bé chưa biết nói, gặp khi vui xướng quá, thường phát ra cửa miệng những tiếng trầm bổng như tiếng chim kêu hay lời ca hát. Đứa bé trong thời kỳ chưa biết nói, khác nào loài người trong buổi bán khai.

Ca dao rồi biến-thể thành thơ ca. Chẳng thế sao nhiều bình giả Việt-nam dám bảo thể thơ *lục bát* là do thể ca dao mà ra?

Đến khi đã có thơ ca, tức là đã đến thời kỳ văn học thành văn, tức là đã đến lúc loài người biết dùng chữ để ghi chép nỗi lòng.

Từ buổi văn-học phôi thai đến lúc văn học thành văn, được bao nhiêu năm? Đó là thuộc về đoạn lịch sử dĩ tiền: không tính được, mà cũng không phỏng định được.

Còn từ khi văn học thành văn đến nay, đã bao nhiêu thế kỷ, bao nhiêu biến cố đi qua rồi?

II) Tư trào văn nghệ

Từ khi mới biết ghi chép ca dao, truyền thuyết đến khi biên tập được những bộ sách thảo luận về kinh tế, chính trị, triết học, tinh thần nhân loại trải qua được bao nhiêu chặng đường tư tưởng, văn nghệ rồi?

Con đường diễn tấn diệu vội của văn nghệ được quan-niệm vắn tắt trong thuyết « Hai H, bốn R. »

Hai H: tức là chủ nghĩa Hy-bá-lai (Hébraïsme), và chủ nghĩa Hy-lạp (Hellénisme).

Bốn R: tức là Văn nghệ Phục hưng (Renaissance), Tôn giáo Cải cách (Réforme), Hiện lý-hoá chủ nghĩa (Rationalisme) Cách mạng chủ nghĩa (Révolution).

Mỗi chủ nghĩa trên đây là một chặng đường tư tưởng, văn nghệ của nhân loại trên văn học sử, trên lịch sử văn minh, sở dĩ có là do biến thiên đương nhiên của thời đại mà ra.

Những chặng đường tư tưởng, văn nghệ ấy được mạng-danh là *tư trào văn nghệ*. Tùy theo trình độ tiến hóa của nhân sinh, tùy theo biến thiên của xã-hội, một tư trào văn nghệ có khi dài đến mấy thế kỷ, có khi ngắn chừng năm ba chục năm.

Từ *thời kỳ đạo bũ* (2) của xã hội cổ đại đến *thời kỳ tụng ca*

của xã hội thị tộc, trên 7000 năm.

Từ thời kỳ tụng ca của xã hội thị tộc, đến *thời kỳ thần thoại, truyền thuyết* của xã hội nông nghiệp, gần 4000 năm.

Từ thời kỳ thần thoại, truyền thuyết của Hy-lạp, La mã đến *thời kỳ văn học của bọn kỵ sĩ*, trên 2000 năm.

Một khi nhân loại tiến hóa, thời-biến của tư trào văn nghệ tự thấy ngắn lại. Vì thế:

Thời kỳ văn học của bọn kỵ-sĩ chỉ có 1000 năm.

Thời kỳ Văn nghệ Phục hưng chỉ có 200 năm;

Chủ nghĩa Cổ điển (classicisme) sống có 100 năm, và chủ nghĩa lãng mạn (romantisme) sống có 50 năm mà thôi!

Từ thế kỷ XIX đến nay, nhân khoa học cơ khí phát triển, loài người tiến bộ mau, xã hội biến đổi lạ, văn học phát triển chóng, tư trào văn nghệ không còn được bao nhiêu thời hạn.

Văn nghệ bước những bước tôn phóng!

Từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả-thực xã hội (réalisme socialiste) rồi bước sang văn chương tranh đấu thấm thoát không đầy 100 năm!

III) Thời kỳ văn học quí tộc

Văn nghệ Âu châu khởi thủy ở Hy lạp, du nhập sang La mã để hóa ra một thứ hướng lạc chủ nghĩa (dilettantisme) của phái Qui tộc (Noblesse). Hoàng đế La mã và phái Qui tộc lại hăng tàn bạo ngược, chuyên chế nhơn dân, khiến quần chúng sanh ra bi quan, yếm thế.

Trong lúc nhơn dân đang ngậm cay nuốt đắng, Hy quyền của Cơ đốc giáo (Catholicisme) lại lăng-bức cá nhân. Cá nhân mất cảm-tưởng tín ngưỡng.

... Nhưng rồi, đế quốc La mã mất hết thanh thế dần đến phúc vong!

Toàn cõi Âu châu lọt vào thời đại phong kiến (féodalité) của các xứ quân chủ, hằng xung đột nhau, gây nên họa chiến tranh đày đưa thảm khốc.

Trong xã hội Âu châu, bấy giờ có thêm giai cấp nông nô và thị dân. Giai cấp này bị áp bức dã dường, từ tinh thần đến vật chất. Phần chi quá, tinh thần cá nhân bị áp bức trên về tôn giáo, thích thần bị chuộng siêu hình.

Trong văn học giới Âu châu chủ nghĩa cấm dục (ascétisme) của Cơ đốc giáo lại có cơ độc thịnh. Tư tưởng giới qui về Hy-bá-lai chủ nghĩa. Văn minh toàn cõi Âu châu nép mình dưới quyền thống trị của Cơ-đốc giáo.

Nền tảng văn hóa La Hy do đó phải tiêu tán. Nếu nguy cơ này cứ tồn tại mãi, văn hóa Âu châu chắc không được khả quan như ngày nay.

Nhưng lại khởi lên thời kỳ Thập tự quân (Les Croisades)

Sau thời kỳ này, trên thương trường, nổi lên một lực lượng hoạt động trọng đại. Nhiều đô thị trù phú thi nhau thành lập. Trong xã hội, giai cấp thương nhân nhất thời có thanh thế. Nó yêu cầu hai giai cấp Qui tộc (Noblesse) và Tăng lữ (Clergé) phải bỏ bớt những uy quyền độc đoán. Ngoài ra, nó còn rất bất mãn đối với cuộc sanh hoạt bấy giờ, vì nó đang thèm muốn cảnh sanh hoạt tự do của đám thị dân, dưới chánh thể dân chủ La mã, Hy lạp.

Một sùng mộ đối với văn minh La Hy bắt đầu đột khởi trong đầu óc cá nhân. Những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa của La Hy đều được nghiên cứu sau tầm lại.

Giai cấp thương nhân vốn chẳng sùng kính Cơ-đốc giáo, « muốn lập lại cái thế giới mỹ lệ và tự do của văn hóa La Hy thời xưa ».

Thời kỳ Phục-hưng do đó xuất hiện. Tư trào văn nghệ Phục-hưng truyền đi rất nhanh chóng trong toàn cõi Âu châu, rồi đi quá như một trận cuồng phong!

Giai cấp thương nhân trở lại bắt tay với hai giai cấp Quý-tộc và Tăng lữ, hợp thành *giai cấp thống trị*. *(Còn nữa)*

KIỀU THANH QUẾ

ĐÃ CÓ BÁN

HOA MỘNG

của TƯỜNG VĂN

1) *Thơ làm* (có nhiều bài đặc-sắc, thi-cảm, từ khác v.v.)
2) *Thơ dịch* (có mấy bài đường thư viết bằng bút lông rất tài)
3) *Thơ dịch Pháp văn* (lựa những bài tuyệt-tác của *Lamartine Victor Hugo, Alf de Musset, Baudelaire, Verlaine & Prud' homme, Regnier, Maeterlinck, Glesse de Noailles*, v.v.

Ông Nguyễn triệu-Lương riêng chú-ý đến phần này mới khen thích-giả (xem *Tao Đàn* số 13 1939) có tài việt-hóa văn-chương Pháp như bà Nguyễn-biểm (Lịch Chinh-phụ-Ngâm) có tài việt-hóa văn-chương Tàu

Ai muốn xem bài này xin gửi tem 0$10 cho Kiosque Thanh-Tao-Vinh.

Hỏi « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

NGUYỄN BIỂU

KHẬT-NHAM

Nguyễn Biểu người làng Bình-hồ (nay là Yên-hồ), huyện Chi-la (nay là La Sơn) đồng-lý với phủ Đức-thọ, tỉnh Hà tĩnh, làm chức Điện tiền thị ngự sử, theo vua Trùng quang (Trần Quý Khoáng 1409-1413) lo việc khôi-phục, chống lại quân Minh mong dựng lại cơ nghiệp cho nhà Trần.

Tháng 4 năm Quý-tỵ (1413), Trương Phụ tiếp quân vào Nghệ an đánh Trần Quý Khoáng. Bấy giờ, quân Quý Khoáng chỉ còn một phần ba mà lương thực lại cạn, thế cùng, lực kiệt phải bỏ chạy vào Hóa châu.

Trước Quý Khoáng đã mấy lần sai sứ sang Tàu cầu phong, chương Minh đều không thuận, lại truyền giết ả sứ giả. Nay vì tình thế cấp bách, Quý Khoáng phải sai Nguyễn Biểu ra cầu phong với Trương Phụ.

Trước khi lĩnh mệnh, Nguyễn Biểu được vua Trùng-Quang tặng một bài thơ bằng quốc-âm:

Mấy vần thơ bữa ngự hoàng-hoa,
Trịnh-trọng rày nhân dựng khúc ca.
Chiếu phượng mười hàng lơ cặn kẽ,
Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
Tang bồng đã bấm lòng khi trẻ,
Khương quế thêm cay tính tuổi già.
Việc nước một mai công ngỡ vẹn,
Giáo lên danh tiếng đọi lâu xa.

Nguyễn-Biểu họa theo nguyên-vận:

Tiếng ngọc từ vâng trước bệ hòa,
Ngóng tai đồng vọng thủa thi ca,
Dường mây vô kỷ lần lần trải
Ải tuyết, cờ mao thức thức phà.
Bá mội cung tên lòng chí trẻ,
Bội mười vàng sắt đức gan già.
Hồ minh vả thiếu tài chuyên đối,
Dịch-lộ ba ngàn dám ngại xa.

Nhân làng Nguyễn Biểu ở ngay bên cạnh Thành-sơn là nơi hành-doanh của Trương-Phụ, Nguyễn từ Hóa-châu ra, đỗ rẽ về thăm làng, bái-yết tổ tiên, rồi mới đến hội-kiến cùng Trương-Phụ.

Khi tới trước mặt Trương Phụ, quân Minh bắt Nguyễn quỳ lạy. Ông cứ đứng trơ trơ, nhất định không chịu nhục. Trương-Phụ vốn nghe tiếng ông là người trung-trực, muốn nhân dịp thử lòng ông, bèn sai nấu chín một chiếc sọ người, đặt lên mâm mời ông ăn. Ông không ngần ngại, ung-dung, cười và nói rằng:

« Đã mấy khi người Nam được cái vinh-hạnh ăn đầu người Bắc ».

Nói xong, ông cầm đũa, khoét hai con mắt, chấm vào rấm, rồi nuốt một cách ngon lành. Đối diện máu đầu người, ông lấy làm khoái-hoạt, nhân cảm khái ngâm vài câu:

Ngọc-thiện, trân tu đã đủ mùi,
Gia hào thêm có cỗ đầu người,
Nem cuông (1), chả phượng còn thua béo,
Thịt gũ (2), gan lân chẳng kém tươi.
Ca lối tộc-mình so cũng một,
Vật bày thổ thủ bội hơn mười.
Kia kia ngôn ngọt tầng voi lợn,
Tráng-sĩ như Phàn (3), riêng ấy đời.

Trương-Phụ thấy Nguyễn Biểu là người có khí-phách, trong lòng rất cảm phục, lấy lễ đãi ông và cho ông về.

Ông mới ra về tới cầu Lam (4) thì có quân đuổi theo, bắt phải trở lại. Nguyên vì Trương Phụ nghe nhời xèm-nhèm của Phan Liêu là con Phan-Qui Hựu, người làng Bàn-thạch, huyện Thạch-hà (Hà-tĩnh), làm quan Thượng thư nhà Hậu-Trần. Phan-Qui-Hựu ra hàng nhà Minh được mấy hôm thì mất. Trương-Phụ cho người con là Phan-Liêu làm Tri-phủ Nghệ an. Phan-Liêu muốn được lòng Trương-Phụ luôn luôn trình bầy với Trương Phụ tình-hình binh-thế bên Quý-Khoáng, những người giỏi, những nơi hiểm trở để Trương phụ đề-phòng.

Hôm ấy, nhân Phan Liêu thấy Trương-Phụ tha cho Nguyễn-Biểu về, vội vàng cản Trương-Phụ.

— Người ấy là một dũng hào-kiệt nước Nam. Nếu muốn lấy nước Nam mà tha người ấy thì bao giờ cho xong công việc?

Trương Phụ cho là phải, vội vàng cho người đuổi theo bắt Nguyễn-Biểu trở lại, lấy cớ là Nguyễn vô-lễ. Đến nơi thủ-hạ bắt Nguyễn quỳ xuống lạy. Cũng như lần trước, Nguyễn sắt đá khang khang không chịu khuất. Nguyễn giận mắng Trương-Phụ rằng:

— Chúng bay bề trong thì tìm kế để chiếm giữ nước ta, ngoài

mặt thì giả đường nhân-nghĩa đem quân đi đánh dẹp. Trước thì hứa lập con cháu nhà Trần, sau lại chiếm đặt quận, huyện, cướp tài-hóa ức hiếp sinh-dân, chúng bay thực là đồ hung ngược!

Trương-Phụ tức giận, truyền đem ông trói dưới cầu Lam trước chùa Yên-quốc, chờ cho nước thủy triều lên, để ông chết ngạt.

Ông cứ luôn miệng mắng chửi Trương-Phụ. Trương-Phụ chờ ba ngày không thấy nước thủy triều lên, giận quá, sai cởi trói, dẫn ông lên trước cửa chùa Yên-quốc, đánh đến chết mới thôi. Trước khi ông được cởi trói, ông đã đoán đến cái kết cục của đời ông, nên có để mấy chữ ở cầu:

«Thất nguyệt sơ nhất nhật Nguyễn Biểu tử»

(ngày mồng một tháng bảy, Nguyễn Biểu chết)

Nguyễn-Biểu mất rồi, Trương-Phụ lấy hậu-lễ cho đưa di-hài về táng ở làng. Vua Trùng-Quang rất lấy làm thương tiếc, có làm bài văn-tế sau này bằng chữ nôm:

Than rằng;

Sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ;
Sắc sắc, không không, bụi hồng trần phơi phới
Bái công thù, thiên địa chứng cho;
Vô cùng hận, quỷ thần nhè với!
Nhớ thủa Tiên-sinh: cao giờ mão trải, chăm chăm ở ngôi đài-giản, đánh làm cột đá để ngăn dòng;
Tới khi Tiên-sinh: xa gác võ cầu, hàm hàm chỉ cán cờ mao, bỗng trở gió vàng, bận nên nỗi Bách linh-thần, Hồ-tặc chín hàm,
Gan thiết-thạch, Tô công dễ đổi.
Quan-Vân-Trường gặp Lã-mông, dễ xa cơ ấy, mảng thấy chữ: «phệ tề hà cập», dạ những ngùi ngùi:
Lưu-Huyền-Đức giận Lục-Tốn, mong trả thù này nghĩ đến câu «thường đảm bất vong», lòng thêm dội dội.
Sầu kia khôn lấp cạn dòng! Thảm nọ dễ xây nên núi.
Lấy chi báo chương hậu-đức, rượu kim-tương một lọ, vơi vơi mượn chúc ba tuần;
Lấy chi ủy thác phương hồn, văn dụ-tế mấy câu, thăm thẳm ngỗ thông chín suối.

Đứng trước cái chết khẳng khái của ông, vị sư chùa Yên-quốc làm bài kệ sau này bằng nôm để tụng cái chí-khí, tấm trung-thành của người nghĩa liệt:

«Chói chói một vừng tuệ nhật; ùn ùn mấy đám từ vân.
Tam giới soi hòa trên dưới; thập phương trải khắp xa gần.
Giải thoát lần lần nghiệp-chướng; quang khai chốn chốn mê-tân.
Trần-quốc xây vừa mặt-tạo; sơ-hoa bỗng có trung-thần.
Vàng đúc lòng son một tấm; sắt rèn tiết cứng mười phân.
Trần kiếp vì đâu oan-khổ, phương-hồn đến nỗi trầm luân! Tế-độ dặn nhờ từ phụ; chân-linh ngỗ được phúc-thần».

Sau khi đánh tan giặc Minh vua Lê Thái-Tổ sai lập đền thờ Nguyễn-Biểu tại thôn Nộ-điện, xã Yên-hồ, huyện Lã-sơn, phủ Đức-Thọ (Hà-tĩnh) và phong là nghĩa liệt, hiển-ứng, uy-linh trợ thuận đại-thần.

Đền thờ thường gọi là «Nghĩa-trung từ». Tới nay, khói hương vẫn còn nghi ngút.

Trong *Việt-sử tổng vịnh* vua Tự-Đức khen Nguyễn Biểu bằng mấy câu thơ sau này:

(Xem tiếp trang 13)

(1) Nem công.
(2) Thịt gấu.
(3) Phàn-khoái là một vị Trung-thần của Hán-cao tổ bên Tàu.
(4) Cầu đặt trên sông Lam-giang

ĐÃ PHÁT HÀNH:

1 — QUANG TRUNG (TẬP II)
của HOÀNG-BẠNG HOÀNG-THÚC-TRÂM
Giá: 8$00

2 — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE
của CÁCH CHI phiên dịch
Cụ Ứng-hòe Nguyễn văn-Tố đề tựa:
«... Những cái hay ấy ông Cách-Chi đã dụng công «phiên dịch, vẫn hay rằng nghề-dịch bao giờ cũng khó, «nhưng dịch được như thế này đã là thích lắm.»
Giá: 2$00

Nhà xuất bản
TRỊNH-NHƯ-LUÂN
121, Chanceaulnie — Hanoi

Một quyển sách nói về Bà Trưng

(bài nối)

Ông-bèo NGUYỄN-VĂN-TỐ

Kỳ trước tôi đã nói những chỗ sai lầm ở trong bài tự luận của ông Nguyễn Tế Mỹ. Kỳ này xét đến phần thứ nhất là phần nói về « viễn nhân của cuộc khởi nghĩa », thì trang 20 có câu :— « Bất cứ ở nước nào chế độ mẫu hệ cũng có trước chế độ phụ hệ ». Tác-giả bó quá quyết như thế, có lẽ không đúng : đã gọi là *nước* thì phong tục mỗi nơi mỗi khác, trình-độ không giống nhau. Trong bộ « Bách khoa tự-điển » (*La Grande Encyclopédie*, q 16, tr. 1149) ở đoạn mẫu hệ có một câu nói rằng. « Ông Laf tau đã chứng minh hẳn rằng thời mẫu-hệ chưa có gia đình » (Laf tau montre bien que la famille n'existe pas encore dans le matriarcat). Mà xem đến sử Nam ta thì từ ngày lập quốc đã có gia-đình rồi : « Vua thủy tổ là Kinh-dương-Vương (2879 trước T.-C) là con thứ Đế-Minh bên Tàu. Nguyên Đế-Minh đi tuần-thú đến Ngũ lĩnh, lấy Vụ tiên làm vợ, sinh ra Lộc-Tục, có đức thông-minh, Đế-Minh muốn truyền ngôi cho, Lộc-Tục tới, Đế-Minh bèn phong làm Kinh-dương-Vương, cai trị phương Nam ». Rõ ràng có vợ chồng, có cha con, không có một hình-tự nào gọi là mẫu-hệ. Nếu lúc ấy còn về thời mẫu-hệ, thì Vụ Tiên là vua, chứ không biết Đế-Minh là ai cả. Thế là dân ta ngay từ khi bắt đầu *thành nước*, đã có gia-đình, đã có phụ quyền. Như ông vua thứ hai của nước ta, là Sùng-Lãm, tức là Lạc-long-Quân lấy con gái Đế-Lai bên Tàu, tương truyền sinh ra trăm con giai (?), sau hai vợ chồng chia con một nửa theo cha về biển một nửa theo mẹ về núi, để người con trưởng nối ngôi, cai trị trong nước, đời đời cha truyền cho con, đến 18 đời đều gọi Lạc-vương (xưa nay quen gọi Hùng-Vương). Nếu thật là mẫu hệ, thì không khi nào sách chép « cha truyền cho con » như thế chữ nho là « Phụ truyền tử ».

Vẫn biết rằng bộ *Đại-Việt sử ký toàn-thư* q 1, tờ 5a có chữ « mẫu vi quân-trưởng » nghĩa là « mẹ làm vua » Nhưng đấy là lời bàn của sử thần Ngô sĩ Liên nói « có lẽ như thế » chữ nho là « lý hoặc sử nhiên », chứ không phải là có thật như thế. Nếu vin vào mấy chữ ấy mà cho vào thời mẫu-hệ, thì sao sử không chép bà Âu-Cơ nối vua Lạc-long làm vua nước Nam, mà lại chép « Lạc-Vương là con vua Lạc-long, gọi tên nước là Văn-lang, đóng đô ở Phong châu, chia trong nước làm 15 bộ » Nói tóm lại cứ theo sử chữ nho thì dân Nam ta từ khi đã *thành nước*, không có thời nào gọi là mẫu-hệ cả

Từ trang 48 trở xuống ông Mỹ nói theo sử, nhưng cũng gán thuyết nọ thuyết kia, lầm lẫn nhiều lắm Như trang 46 có chữ « Từ nghĩa hầu Quý » nên chữa làm « Trí-nghĩa-hầu tên là Quý ». Trang 50 có chữ « Hán-Lưu-Trí tức Hán-Quang-Vũ » cũng lầm, chính tên Quang-Vũ là Lưu-Tú Trang 51, ông Mỹ nói : « Bọn này giúp Hán-Quang truyền bá văn hóa phụ quyền, quân chủ của Trung Quốc. » : Câu này không đúng vì sử chữ nho chép rằng chính từ đời ông vua thủy tổ (Kinh dương vương) nước ta đã có phụ-quyền (chữ nho là phụ đạo) và quân chủ (chữ nho là quân trưởng). Cũng trang ấy ông Mỹ nói : « Tích-Quang... mở các trường sơ học dạy đạo Điết thi thư lễ nhạc » Sử ta chỉ chép « Tích Quang dạy dân lễ nghĩa », không có nói chi « mở trường sơ học » Mà trường sơ học là làm gì đã dạy đến *Thi Thư* ? Trang 53 có câu : « Nông-hộ... vốn là những kẻ sắt thủ ghét lạc-hầu, lạc-tướng vì sự bóc lột áp-chế của chúng từ xưa tới nay... » ông Mỹ thấy quyền sử chữ nho nào nói như thế ? Bộ *Đại Việt sử ký, tiền biên* (ngoại kỷ, q 1, tờ 9 b) chép rằng : « Người Nam vô đời Lạc Hùng Vua dân cùng cày, cha con cùng tắm... Người và giống vật cùng ở nhà sàn, uống Lạc-điền [illegible] nước triều lên xuống, dân sống ở đời bấy giờ cùng nhau vui vẻ chơi đùa ở trong cõi đất không rét không nóng. Người già mất thì chôn người trẻ dại đến lúc khôn không biết gì đến việc đánh nhau cố thể gọi là đời thái bình gọi là nước cực-lạc. Vua thì yên vui

như tượng phật, dân thì vô minh làm ăn, không phiền nhiễu gì đến xâu thuế không việc gì phải canh-phòng, vua dân thân nhau, dầu vài nghìn năm cũng không thay đổi ». Có phải đoạn sử chữ nho ấy khác hẳn lời ông Mỹ không? Đã không bắt xâu thuế, không phải canh phòng, thì làm gì có « bóc lột và áp-chế »? Trang 54, có câu « Dân Cửu chân vốn là những dân lưu đãng giang hồ », Bốn chữ « lưu đãng giang hồ » không thấy quyển sử chữ nho nào chép đến. Trang 55, ông Mỹ lấy câu trong sách Tàu nói « người đẻ con ra mới biết mình có họ hàng » chỗ là thời-đại thị-tộc mẫu-hệ ở cả Giao-chỉ, Cửu-chân và Nhật-nam! Thế thì nhầm lắm. Đó là tục riêng của dân Cửu-chân, mà dân Cửu-chân về thời ấy hãy còn mọi rợ và chưa chắc đã là dân Việt-nam; dù sao, không thể cho phong-tục Cửu-chân với phong-tục Giao-chỉ là một được, xem đoạn Bà Trưng khởi nghĩa, sử ta (*Khâm-định việt-sử, tiền biên*, q. 1, tờ 10a) chép rằng: «...Trưng-vương cùng em là Trưng-Nhị khởi binh đánh hãm châu-trị, Tô-Định chạy về Nam-hải, quân Bà đi đến đâu như gió lướt, các *man lý* (mọi rợ) ở Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều hưởng ứng ». Thế thì về thời đó dân Cửu-chân chưa khai-hóa, có lẽ chưa biết họ-hàng. Vả lại phải nhớ rằng Cửu-chân là vùng Thanh-hóa, Nghệ-an bây giờ, mà Thanh-hóa hiện còn hơn 50.000 Mường, 8.000 Thái, Nghệ-an vừa Mường vừa Thái non, 50.000 (*Annuaire administratif de l'Indochine*, 1939-1940). Thế thì sử chữ nho nói tục Cửu chân là tục riêng của Thanh-Nghệ ngày xưa chứ không phải là tục Giao-chỉ, vì nước Nam tức Giao-chỉ, kể từ ngày *lập quốc* đến hồi Bà thuộc gần ba nghìn năm, sử chép những việc cưới xin, như việc Đế-minh lấy Vụ-tiên, Lạc-long lấy Âu cơ, Văn-lang mất về Thục-Phán vì cầu-hôn, Thục-vương mất về Triệu-Đà cũng vì gửi rể, thế mà bảo đến đời Nhâm-Diên, dân ta mới biết lễ cưới xin, thì chẳng là không đúng. Lại còn một lẽ nữa: trong sách nho chép « vô giá-thú lễ - phép », nghĩa là « không lễ phép cưới xin », tức là trước kia cũng có cưới xin, nhưng không có lễ-phép, hoặc vì chèo cưới nặng quá, nên Nhâm-Diên đặt lệ so tuổi cho lấy nhau, chứ không phải không có cưới xin.

Đến phần thứ hai là phần nói về « cận nhân của cuộc khởi nghĩa », thì trang 75, ông Mỹ viết một câu rằng: «..., việc Tô-Định giết Thi-Sách chưa phải đó là một cử chỉ tàn bạo. » !!! Ai cũng lấy làm ngạc-nhiên. Giết người « chưa phải là tàn bạo », thế thế nào mới là tàn-bạo? Thôi! sách như thế, thì còn phê bình làm gì nữa!...

Thật chẳng khác gì quyển *Xã hội việt nam* của ông Lương đức Thiệp: hai quyển cùng do nhà Hàn Thuyên, *Văn mới* xuất bản, cũng cho mẫu-hệ là tục nước ta còn sót đến thời Bà Trưng, và cũng nói nhiều câu cần rỡ về các bậc anh-hùng cứu quốc. Thế mà dưới quyển *Bà Trưng*, tạp-chí *Văn mới* lại còn cãi! Thì đây, ở bài kết luận, ông Thiệp còn viết như thế này: trang 385 « người Việt-nam hiếu học không phải vì khát hiểu biết, mà chỉ vì mong đạt một địa-vị ưu thắng trong xã hội »; trang 386 « Người Việt nam ít khi chịu thất vì tin ngưỡng bay vì một vị nhân nào đã chủ trương trái quyền lợi của họ »; trang 387 « Khuôn khổ chùa Đế-Thiên, Đế-Thích và thành Đô Bàn đều ra ngoài trí tưởng tượng của người Việt nam »; trang 388 « Cũng vì thế thực quá mà người Việt-nam mới thành ra hồng-nhân ». v. v.

Ai đọc những câu như thế, thì bảo ông Thiệp là người nước khác, chứ không phải người nước Nam. Nhưng chính thực những câu ấy, và nhiều câu nữa, không phải của ông Thiệp « nhận xét » ra như lời *Văn mới* đã cãi lộ! ông Thiệp chỉ bắt chước sách tây, như sách Paul Giran, *Psychologie du peuple annamite: le caractère national, l'évolution intellectuelle, sociale et politique*, v. v., là những sách mà các nhà chuyên xét về xã hội đã bác đi một cách rất dịch-Jáng (xem *L'année sociologique* chẳng hạn) Để sau này, hễ có việc gì phải trả lời *Văn mới* (Hàn Thuyên), tôi xin vạch những chỗ ông Thiệp bắt-chước sách tây, mà « quên » không dẫn, cũng như ông đã bắt-chước bài *Ông nghè đeo Lá*, rồi ở cuối sách của ông, *Văn mới* lại bỏ bài *Ông nghè* « phỏng cá lấy gì? »

Bây giờ *Văn mới* chỉ nói đến « bành thực », nhưng cũng lại bắt-chước *Thanh niên*, là tờ báo đã dùng lại lời « đi mượn không dẫn » ở số 14, ngày 1-12-1943; *Thanh niên* « mượn » nghĩa chữ « ông trong » của *Tri tân*, đã « quên » chưa chỗ xuất-xứ, lại làm ra vẻ phát-minh (xem *Tri tân*, số 123, ngày 3-2-1944, trang 5) cũng như *Văn mới* bây giờ. Thế mới biết tục ngữ « ăn phải đũa... » nói có nghĩa đấu!

Ông nhà NGUYỄN VĂN-TÓ

BA NGƯỜI THỢ CẦN MẪN

Số 6

LÊ-THANH

Cũng như ông Nguyễn văn-Vĩnh sinh vào thời quốc gia đồ nát, xung quanh đồng bào mình có đến chín mươi chín phần trăm ngu-si, ông đinh ninh rằng muốn cứu vãn lấy quốc-gia trước hết phải lo việc giáo-dục cho đồng-bào. Có lẽ không phải như ông đã nguyện, giáo dục cho trong nước Nam không còn một người dân dốt nát, mà ít nhất để cho có đủ một số người có thể đứng lên đỡ chống đỡ cho cái quốc-gia của mình. Cũng như ông Vĩnh ông vấp phải một sự khó khăn là nước mình không có chữ.

Trước cái hiện-trạng ấy, cái chương trình hành-động của ông không thể ngoài hai việc — cùng là những việc ông Trương-vĩnh-Ký đã làm và ông Nguyễn-văn Vĩnh đang bắt đầu làm — là luyện cho nước mình một thứ chữ riêng, dùng làm phương tiện-giáo-dục và giáo dục đồng-bào bằng sách phổ thông tư-tưởng, giúp đồng-bào thu-thập lấy một cái học-vấn tối-thiểu để sinh tồn ngày nay.

Ta hãy xem ông thực-hành cái chương-trình ra sao, và công việc của ông đã có những kết quả gì.

Năm 1917 ông, sau bốn năm thí nghiệm ngòi bút trên Đông-dương tạp chí, ông lập tạp chí *Nam-phong* một tháng xuất bản một kỳ, số đầu ra ngày 1er tháng Bảy

« Cái mục đích của bản báo là muốn gây lấy nền học mới để thay vào cái nho học cũ, cùng để xướng lên một cái tư-trào mới hợp với thời thế cùng trình độ dân ta. Cái tính cách của sự học vấn mới cùng cái tư-trào mới ấy là tổ thuật cái tư tưởng của Tuái Tây . . . mà không quên cái quốc-túy trong nước... » — Mấy lời nói đầu — (Nam phong số 1 ngày 1er juillet 1917).

Rở những tập đầu cũng như những tập mới, ta thấy không lúc nào cái mục đích trên bị quên bỏ.

Những mục « luận thuyết » : *Bàn về văn minh học thuật nước Pháp* (số 1) ; *Con đường tiến bộ của nước ta* (số 8), *Cái quan niệm dân ta đối với chủ nghĩa Đông dương hợp nhất*, (số 10), trong ấy phần nhiều bàn về những vấn đề quan hệ với thời thế, nhất là những vấn-đề quan hệ riêng với dân ta Cái mục đích những bài luận thuyết ấy là cốt khiến cho người nước ta có một cái quan niệm phân minh chính đáng về những vấn đề ấy, để lý hội thông hiểu được việc nhớn trong thế giới cùng trong nước nhà.

Mục « văn học » : *Văn quốc ngữ* (số 2), *Sử học chuyên luận* (số 4) *Văn học nước Pháp* (số 92) *Một cái thí nghiệm đã nên công* (số 34) *Bàn về tiểu thuyết* (45) *Thế giới tiến bộ sử* (số 90) sau về bản học (số 40) gồm những khoa văn chương, lịch-sử từ-ngữ... phần này có vẻ quan trọng hơn cả. Những nhà bình bút giới thiệu những trào-lưu văn học thái ấy thứ nhất là nước Pháp, bình luận những tác phẩm có giá trị hoặc cổ hoặc kim mục đích làm cho người mình hiểu văn học của người thế nào, văn học của mình ngày nay thế nào, và mai sau phải thế nào.

Mục « triết học » : *Triết học là gì* (số 2), *Dịch sách phương pháp luận* (số 3), *Triết học nước Pháp* (số 8, 9), *Học thuyết Mạc-tử* (số 91), *Khổng giáo luận* (số 50). . . nghiên cứu để giới thiệu với người mình những học thuyết xưa và nay của Tây phương và Đông-phương. So sánh những tư tưởng lý thuyết giúp cho sự đắp móng cho một nền tư tưởng riêng của mình. Nền tư tưởng ấy sẽ không Tây và không Tàu và có những đặc sắc hoàn toàn việt-nam.

Mục « khoa học » : *Tàu ngầm, tàu lặn* (số 1) *Thiên văn học* (số 38, *khảo cứu về nghề ảnh* (số 42) *nói về điện tín* (số 96), lược khảo về những khoa học chuyên môn, phổ-thông những khoa-học thường-thức, gây cái mầm khoa-học trong trí bé người mình, cái óc từ trước đến nay chỉ quen với văn học và từ chương. . .

(*Còn nữa*)

LÊ THANH

Giá báo

1 năm	20$00
6 tháng	11,60
3 tháng	6,00
Mỗi số	0,50

Nguyễn Biểu

(Tiếp theo trang 9)

軍中數語瀝肝腸
Quân trung số ngữ lịch can trường,

為國捐軀壯國光
Vị Quốc, quyên khu tráng quốc -quang

故址靈祠千古在
Cố chỉ linh từ thiên cổ tại.

黎皇有道異明皇
Lê-hoàng hữu đạo dị Minh-hoàng

Dịch:

Trong quân mấy tiếng giãi can tràng
Vì nước quên mình: nước vẻ-vang.
Nền cũ đền thiêng, muôn thủa đấy:
Lê-hoàng có đạo khác Minh-hoàng!

Năm Tự-đức 28 (1874) Ông Hoàng-xuân-Phổng cử-nhân, làm Án sát Lạng-sơn, có soạn bài bia nguyên-văn chữ Hán, ông Hoàng-xuân-Hãn dịch như sau này:

« Chính-khí trong trời đất, đối với người, lớn lao thay! Khí ấy không khuất, không quanh. Gặp tiết lớn, không thể lấn mất. Vậy những người xưa, đã quên sống để giữ nghĩa, hiến mình để gây nhân, tiếng truyền lại cùng vũ-trụ mãi không tàn hủ. Nay kính nhớ tới đức tôn-thần nghĩa-vương họ Nguyễn. Ngài sinh ở huyện Chí-la, làng Bà-hồ xưa, khoa, đậu thái-học-sinh, quan, làm thị-ngự-sử. Tính ngài cương-trực, vào triều dám can. Gặp lúc nhà Trần vận hết, giặc Bắc vừa sang, đắp thành đội lũy giặc, tìm mưu giữ nước nhà. Triều-đình chọn người sang trại giặc; ngài không ngần-ngại, không sợ hãi, xin đi. Tới nơi, không run, không sợ, rút mặt vũng vàng, lời nói mạnh bạo. Giặc biết rằng không thể lấy uy mà bức-hiếp, đã lấy lễ mà mời về. Bên cạnh Liễu, Hựu là bọn gian-thần, thân quen với giặc, bảo sai chân đường về mà bắt lại. Ngài trở lại qua cầu Yên-quốc; cãi lại không kiêng, lấy chết làm chắc vậy. Lòng Thế mà giặc Phụ vẫn cam tâm ư!

« Đến ngày chết, ngài để chữ ở cầu, mắng giặc ba ngày không dứt. Thực là hùng-tráng thay!

« Khí lớn-lao sáng-láng của ngài, là lòng nghĩ tới vua, mắt xem không giặc. Gan trung, phủ nghĩa, trải bao nắng gắt sương thu. Nước triều lên xuống, mà tiết ngài không theo chìm nổi; cầu cũ đổ nát mà tiếng ngài không phải hư tàn. Giặc Bắc sao giết nổi ngài được! mà lại còn dâng ngài tiếng hay. Ấy là, vì sống đã rạng thì ắt chết phải thiêng. Nghịch-tặc chung qui đều chết mà nước nhà nhờ đó mong còn. Danh tiếng thiêng của ngài chắc có ngầm giúp vậy. Ngàn đời tiếng ngời, một cùng khôi hương! Cáo quan tơ, nhỏ giỏi đời đời đều vui chuyện bàn khen. Cái phong-vận ngài để lại ngàn đời sau còn đủ làm hưng-khởi lòng người. Thực là, khí mông mênh, lẫm liệt vạn đời còn!

« Phổng tôi đây, kẻ hậu học ở Yên-hồ làng Trỗ, cùng là giòng giọi họ ngoại, đứng trong đứng thiêng, kính phục danh-tiết, muốn rạ g cái chính-khí ấy cùng với non sông truyền lại lâu dài, nên dám làm bài minh này để gửi lại.

« Minh rằng:

« Trương-Phụ chí-khí, ruộng cột nước nhà,
Tử sinh như một, giường mối tròn ba
Núi Thành đứng sừng, sông Lam bao la.
Núi cao, sông rộng, tiếng Nghĩa-Vương ta. »

***

Nguyễn Biểu thực là một bực nhĩa sĩ đời Trần-mạt. Dương lúc thời-vận suy vi, nước nhà nghiêng đổ, ông vẫn vì non sông đất nước lết lòng trung, ông hỗ thân giữ nghĩa. Một tấm trung-trinh chói lọi như mặt trời, mặt trăng dù chi cuộc thế đổi thay, mà muôn năm về sau, tinh-thần của ông vẫn còn sống mãi trong vũ trụ.

Thực là:

« Trung nghĩa lưu phương thiên vạn cổ
Nguy nguy miếu vũ địa thiên trường »
(Trung nghĩa lưu truyền nghìn vạn thủa
Nguy nga hương khói cái trời lâu)

(Dựa tài-liệu *Khâm-định việt sử lịch-triều hiến chương, Việt sử tổng Vịnh, Khai trí tiến đức tập san* 1941).

Nhật-Nham

(Trích trong quyển *Danh nhân liệt-truyện* sắp xuất-bản).

Hộp thư

Aline Lê-Vinh-Long — Báo của ngài hết hạn từ 15-6-1944 — Xin gửi ngân phiếu 20$ một năm.

Ty Trị sự

Muốn làm giàu mua vé số
Đông Pháp
1p99 một vé

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 95

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa mậu-thìn (1508) đời vua Lê Uy-mục (1504-1509), lấy mười lăm ông đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất-thân, kể lên sau này:

1. — **Trần Tông**, người xã Bình-động (*Đăng khoa lục* q. 2, tờ 5 b chép là Nội-động), huyện Thanh-đường, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa mậu thìn (1508). Làm quan đến thêm-đô ngự-sử, nhập thị kinh diên (*Đăng khoa lục* chép là phó-đô ngự sử). Sinh ra Trần Quang-Tá, đỗ đồng tiến sĩ khoa kỷ mùi (1559) của Mạc Phúc-Nguyên. (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 91 a).

2. — **Nguyễn-trọng-Hồ**, người xã Thượng cốc, huyện Gia-lộc (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 5 b, chép là Tràng-cát), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa Mậu-thìn (1508). Làm quan đến thêm đô ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 37 b 38 a).

3. — **Ngô-Hải**, người xã Vọng-nguyệt, huyện Yên phong, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn (1508). Không chịu lấm quan với Mạc, mất ở nhà riêng. Là con Ngô-Ngọc, đỗ nhị giáp khoa 1487. Sinh ra Ngô-Trừng, đỗ Hội-Nguyên, nhị giáp khoa 1580. Cháu nội Ngô-Nhân-Triệt, đỗ tam-giáp khoa 1607. Tằng tôn Ngô-nhân-Tuấn, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1640. Năm đời nối nhau đỗ đại khoa, đời bấy giờ khen là lệnh tộc (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 5 b, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 58 a).

4. — **Nguyễn Chí**, người xã Cảo-mật, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp khoa 1508. Ông thể hợp cách. Lấm quan đến tự-khanh, có tiếng tốt nghĩa (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 5b, và *Đăng khoa bị khảo* q. Sơn nam, tờ 37 a).

5. — **Nguyễn-lý-Quang**, người xã Kim-đôi, huyện Vũ-ninh (Vũ giàng), phủ Từ sơn, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Đỗ nhị giáp khoa mậu-thìn (1508). Năm tân mùi (1511) hiệu Hồng thuận thứ 3, đời Vua Lê Tương-dực, Trần-Tuân khởi loạn, người kinh đô sợ hãi chạy đi cả. Vua sai ông cùng Lê-đình-Chí, Nguyễn-duy-Thốc và đài quan khám xét ngăn cấm, ông cùng bọn Lê-đình-Chí năm người, cho vợ con chạy về trước, Vua tức giận sai giết chết (*Đăng khoa-lục* q. 2, tờ 5 b, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 7 a).

Về việc Trần-Tuân khởi loạn, *Khâm định Việt-sử* (Chính-biên, q. 26, tờ 13 a và b) chép như sau này: « Trần-Tuân là người làng Quang-bị, huyện Bất-bạt, trấn Sơn-tây; là cháu thượng-thư Trần Cần (Trần-Cần đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1469, đi sứ Tàu, làm quan đến thượng-thư bộ Lại. Vì cháu nội là Trần-Tuân khởi loạn, con cháu đổi họ là Đặng, di tản ra các nơi, một chi ở Thượng-an-quyết, một chi ở Phù-động, một chi ở Vân-canh). Tuân là người hung-tợn phóng-túng, chiếm cứ các động ở về giọc núi vùng Hưng-hóa, tụ họp những bọn vô-lại kể có hàng vạn, thường cho ra cướp bóc các nơi xung quanh, lần lần về đến Sơn tây. Nhân-dân Thăng-long kinh thành (Thăng-long) náo-động tranh nhau dắm gia-quyến đi tránh loạn. Tháng 11 năm thứ 3 Hiệu Hồng thuận (1511), Vua Lê Tương-dực sai Mỹ-quốc hầu là Trịnh-duy-Sản đem quân đi đánh. Duy Sản bị thua, lại về giữ vùng Đông-Ngạc, Nhật-chiêu (Nhật-tân). Trần-Tuân nhân được thế thế vốn hạ kinh thành.

Nguyễn-văn-Lang sai thân-quân sáu vệ ở điện-tiền dự bị sẵn các thuyền ngự định đến Vua vào Thanh-hoa để tránh loạn, và bắt những người thợ ở các sở ra đóng sắp hàng cả ở Đông-Hà để tỏ ý phòng bị. Nửa đêm hôm ấy tự nhiên sợ hãi chạy tan cả. Duy Sản thu nhặt những quân bị thua chỉ còn hơn ba mươi người, phải xé áo làm dấu hiệu, thề nhau cố chết đánh giặc, mãi đến tối hôm lấy vào được đồn của Trần-Tuân, Trần Tuân mặc áo hồng bào ngồi trên giường, Duy-Sản xông đến tận nơi đâm chết, quân của Trần-Tuân bị vỡ. Còn dư đảng của Trần-Tuân ở chỗ khác chưa biết Trần-Tuân đã chết, vẫn còn tụ họp như cũ. Vua Lê Tương-dực được tin báo, bèn sai Nguyễn-văn-Lang đốc thúc tướng-sĩ các dinh cùng Duy-Sản họp nhau, đánh trống hò reo mà tiến, quân giặc thua to, quân của Nguyễn-văn-Lang và Trịnh-duy-Sản đuổi theo mãi đến làng Thụy-hương, làng Quả-động, chém giết quân giặc không biết bao nhiêu mà kể ».

6. — **Bùi-vĩnh-Phu**, người xã Liên-trì, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn (1508). Làm quan đến hàn-lâm-viện thị giảng (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 6a, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 49 b).

7. — **Lê-văn-Hiến**, người xã Đại-bối, huyện Đông-sơn, phủ

Thiệu-hóa, trấn Thanh-hoa. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hoa, tờ 13 a). *Đăng-khoa-lục* (q. 2, tờ 6 a) chép : làm quan đến hữu-thị-lang.

8. — **Lê Vĩnh-Tuỳ**, người xã An-nhân, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm ba mươi mốt tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến thái-thính (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 6 a, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 78 b).

9. — **Lê Khắc-Nhượng**, người xã Toỏ giá, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh-gia, trấn Thanh-hoa. Năm 23 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tả-thị-lang. Khi nhà Lê mất, không chịu theo Mạc. Đời trung-hưng (1533-1548), khen là tiết-nghĩa. Ông là anh Lê-đình-Thuật cũng đỗ nhị giáp khoa ấy. Hai anh em đỗ cùng khoa, cùng đỗ hoàng-giáp, cũng được khen là tiết-nghĩa (*Đăng-khoa-lục* q. 2, tờ 6 a, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Thanh-hoa, tờ 40 b).

10. — **Lê bá-Giáo**, người làng Lam-sơn, huyện Thuỷ-nguyên, phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh-hoa. Làm nhà ở làng Bồ-vệ, huyện Đông-sơn. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn (1508). Là anh Lê-trọng Bình cùng đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa ấy (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 6 a). *Đăng-khoa bị-khảo* (q. Thanh-hoa, tờ 2 b và 3 a) chép là Lê bá Bình, làm quan đến đô ngự sử về trí sĩ, hai anh em cùng đỗ một khoa, cùng làm quan một triều.

11. — **Phan-Tập** người xã Chí-linh, huyện Chí-linh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Nhà ở xã Chiêu-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1508. Mạo lấy họ Mạc, lại vì họ Mạc sang sứ Tàu, phong làm đến hộ-bộ tả-thị-lang, trí sĩ. Sinh ra Phan Đĩ, đỗ nhị giáp khoa bính-thìn (1556) đời Mạc phục-Nguyên (*Đăng-khoa-lục*, q. 2, tờ 6 a) — *Đăng-khoa bị-khảo* (q. Hải-dương tờ 79 a và b) chép « sinh ra Phan-Khắc » *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 42 a) cũng chép « Phan-Khắc đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1556, là con Phan-Tập ».

12. — **Lê đình-Vệ**, người làng Thổ-giá, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh-gia trấn Thanh-hoa. Năm 24 tuổi cùng đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1508. Làm quan đến đô-cấp sự-sĩ. Lúc ấy nhà Lê mất, ông không chịu theo Mạc. Thế là hai anh em đồng khoa, cùng hoàng giáp, cùng tiết nghĩa (*Đăng khoa bị khảo* q. Thanh-hoa, tờ 40 b).

13. — **Lương-đá-Lạc**, người xã Tân-trù (sau đổi Tiên-trà), huyện Yên-phong phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 58 a). *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 6 a) chép là : « Làm quan đến đình-úy sử, tước hầu ».

14. — **Lê-đình Cát**, người xã Chiêu-độ, huyện Kim-thành, phủ Kinh-môn trấn Hải-dương. Năm 46 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến giám-sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 6 b, và *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 91 b).

15. — **Nguyễn tử Kỳ**, người xã Nhị-trại, huyện Thiện-tài (Lang-tài) phủ Thuận-an trấn Kinh-bắc. Năm 46 tuổi đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa 1508. Làm quan đến phó đô ngự sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 123 a).

(Còn nữa)

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN TỐ

HAY ĐỌC

VIỆT NAM PHẬT-GIÁO SỬ LƯỢC

của MẬT-THỂ (giáo sư trường Sơn Môn Phật học Huế)

Tựa của ông *Trần văn Giáp* (trường Viễn đông bác cổ Hanoi)

Sách dày 300 trang in toàn trên giấy trắng, có kèm bản đồ địa đồ phế tích các ngôi chùa Phật và những bài thơ của các vị cao tăng ta cổ xưa. Giá 11$50

Nhà xuất bản TÂN VIỆT 29 Lamblot — Hanoi

BẢN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT NAM

ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

7 — Bản thêm về tương-chứng

Tương-chứng có khi thuận, có khi nghịch. Thuận là khi tiếng ngoại-quốc cùng vần lại biến ra tiếng Việt-nam cùng vần, như :

1.) *chúng*	thành ra	*đông*
chú	—	*đức*
chúc	—	*đuốc*
châm	—	*đâm*
2.) *đồng*	thành ra	*chung*
điệt	—	*cháu*
đàm	—	*chum*
điểm	—	*chấm*
đỉnh	—	*chỏm*

Trong những thí-dụ trên này, ta nhận thấy vần *Ch* chữ nho, đổi ra vần *Đ* quốc-ngữ, trái lại, vần *Đ* chữ nho đổi ra vần *Ch* tiếng nôm. Bốn chữ trên làm chứng lẫn cho nhau, là tương-chứng *thuận*. Năm chữ dưới làm chứng lẫn cho nhau, cũng là tương-chứng *thuận*. Nhưng nếu so-sánh hai chữ *chúng-đông* với hai chữ *đồng chung*, ta thấy một đằng *Ch* thành ra *Đ* một đằng *Đ* thành ra *Ch* : hai thí-dụ vẫn làm chứng lẫn cho nhau nhưng đây là tương-chứng *nghịch*.

Tương-chứng thuận bao giờ cũng đi với tương-chứng nghịch, nghĩa là đã có tương-chứng thuận, tất phải có tương-chứng nghịch. Vần *Ch* chữ nho biến ra vần *Đ* tiếng nôm, trái lại, vần *Đ* chữ nho cũng biến ra vần *Ch* tiếng nôm, cho nên có chữ *chúng* thành ra *đông*, tất phải có chữ *đồng* thành ra *chung*. Vần *Ư* chữ nho biến ra vần *Ức* tiếng nôm, trái lại vần *Ức* chữ nho cũng biến ra vần *U* tiếng nôm, cho nên có chữ *chú* thành ra *đức* tất-nhiên phải có chữ *túc* thành ra *đủ*. Vần *L* chữ nho biến thành vần *S* tiếng nôm, trái lại vần *S* chữ nho cũng biến thành vần *L* tiếng nôm, cho nên có chữ :

liên	thành ra	*sen*
lực	—	*sức*
lục	—	*sáu*
lợi	—	*sắc*
lạp	—	*sáp*

tất phải có chữ :

sĩ (thị)	—	*là*
sĩ	—	*lính*
sơ	—	*lơ* (lơ-thơ)
sỉ	—	*lẻ*
si (sám-si)	—	*le* (so-le)

Nguồn-gốc tiếng Việt-nam, ta có thể tìm thấy được, phần nhiều là nhờ tương-chứng. Dưới đây tôi dẫn ra một vài chữ rất thường làm thí-dụ :

Một ở chữ nhất. — *Nhất*, Quảng-đông đọc là *yắt*, Nhật đọc là *ichi*, Bắc-kinh là *ý*, Triều-châu là *chẹc*. *Nhất* thành ra *một* vì tương-chứng thuận và nghịch. Thuận vì có những chữ :

nhĩ	thành ra	*mỗi*
nhĩ	—	*mày*
nhi	—	*mà*
nhù	—	*mềm-mại*
nhuyễn	—	*mềm*
nhược	—	*mệt*

Nghịch vì vần *ắt* nho thành ra vần *ột* nôm (nhất thành ra một), trái lại, vần *ột* nho cũng thành ra vần *ắt* nôm (một thành ra *nhất*, *ngột* thành ra *ngất*). Nếu so-sánh tiếng Quảng đông với tiếng ta, ta nhận thấy một vài tiếng giống, thêm chữ *M* vào đằng trước, có thể thành ra tiếng ta được, như :

M trên chữ *yắt*	= *mắt*	=	*một*
M — *yục*	= *mục*	=	*muốn*
M — *hồn*	= *mhồn*	=	*mồ-hôi*
M — *yi*	= *mì*	=	*mà*

Hai ở chữ nhị. — Nhị Quảng-đông đọc là *yi*, Bắc-kinh là *ơi*, Nhật-bản là *ni*, Triều-châu là *nổ*. *Hai* ở chữ *nhị*, vì tương-chứng thuận. Vần *Y* Quảng-đông đổi ra vần *H* việt-nam, như

yin-chỗi	=	*hiện-tại*
yinh	=	*hình*
yỉ	=	*hĩ*
yảu	=	*hữu*

Vần I quảng-đông đổi ra vần *ai* việt-nam, như :

si	=	*sái* (thuốc-phiện)
(mụt-) *li*	=	*nhài* (hoa nhài)
lị	=	*lãi*

Chữ *yỉ* đã thành ra *hĩ*, vần *ĩ* lại đổi ra vần *ai*, thì chữ *yi* quảng-đông thành ra chữ *hai* việt-nam cũng không lấy gì làm lạ.

Ba ở chữ tam. — Tam, Quảng-đông đọc là *sám*, Bắc-kinh là *san* Nhật-bản là *san*, Triều-châu là *sa*. Đây, vừa tương-chứng thuận, vừa tương-chứng nghịch. Xét về thủ-âm, ta thấy, vần *S* đổi ra vần *B*, như :

Sa (tam)	=	*ba*
sây (lu)	=	*bốn*
sử	=	*bùa*
châu	=	*bọ*
săn	=	*bắn*

Thế là tương-chứng thuận. So sánh bốn chữ *tam-ba, bát-tám*, ta nhận thấy một đằng *tam* thành ra *ba*: người khách đọc là *Pa*, một đằng bát (Bắc-kinh đọc là *Pá*,) thành ra *tám*! *Tam* thành ra *Pa*, trái lại *Pá* thành ra *tám*, thế là tương-chứng nghịch.

Bốn ở chữ tứ — *Tứ*, Quảng-đông đọc là *sáy*, Bắc-kinh là *shì*, Nhật-bản là *shi*, Triều-châu là *si*. Vần T đổi ra vần B, như đoạn trên tôi vừa mới cắt nghĩa. Còn vần *Ứ* đổi ra vần *ốn*, vì có chữ *xử* thành ra *chốn* (tương chứng).

Bửu ở chữ sử — Trong thí dụ này chữ *S* cũng thành ra chữ *B*. Còn vần *Ứ* đổi ra vần *UA*, cũng như vần *U* đổi ra vần *UA*, vần *I* đổi ra vần *IA*, là một sự rất thường trong Việt ngữ. Ví-dụ:

dữ	thành ra	*thừa*
ngự	—	*ngừa*
ngư	—	*ngừa*
tự	—	*tựa*
cứ	—	*cựa*
cự	—	*cựa*
trừ	—	*chừa*
trữ	—	*chừa*
lí	—	*lìa*
biệt	—	*bìa*
bi	—	*bìa*
địa	—	*địa*
nghĩa	—	*nghĩa*
dụ	—	*dụa*
phù	—	*vùa, hùa*
xu	—	*xựa, sựa*
vũ	—	*mưa*
vụ	—	*mùa*
chữ	—	*chữa*
phủ	—	*búa*
phũ	—	*búa*
chủ	—	*chúa*

Người ở chữ nhân, giời ở chữ thiên. — Trước hết ta, nếu nhớ rạng những vần *An, en, ân, ơn*, có thể đổi cho nhau được, như:

bình-an	=	*bình-yên*
tiến-tới	=	*tấn tới*
bất-nhân	=	*bất-nhơn*
nhân-tiền	=	*nhơn tiền*

Nếu bốn vần trên này như nhau thì chữ *người* ở chữ *nhân*, chữ *giời* ở chữ *thiên*, đều vì tương-chứng thuận cả: vần *ân*, vần *iên* đổi ra vần *ười*, vần *ơi* như:

nhân	thành ra	*người*
thiên	—	*giời*
thiên	—	*rời*
tiền	—	*tới*
tiên	—	*tươi*
lân	—	*lười*

vần *Nh* đổi ra vần *Ng*, như:

nha (nhc)	=	*ngà* (qt)
nhơn (—)	=	*ngòn* (qt)
nhạc (—)	=	*ngọk* (qt)

Chữ *thiên* thành ra *giời*, còn một chứng-cớ nữa, vì *thiên* người Triều-châu đọc là *thi*: *thi* thành *giời* cũng như *thì* thành ra *giờ*.

Còn chữ *ngọm*, người ngọm, cũng ở chữ *nhân*, nhưng vì tương-chứng nghịch, *nhân* thành ra *ngọm*, cũng như *ngoạn* thành ra *nhờn*, *tạm* thành ra *pa*, *pá* thành ra *tám*, *chúng* thành ra *đông*, *đồng* thành ra *chung*, *cầm* thành ra *chim*, *châm* thành ra *kim*, là đều là tương-chứng nghịch cả.

Vay ở chữ tá — *Vay* ở chữ tá, vì có chữ *vay* ở chữ *tá*, làm tương-chứng. *Tá* thành ra *vay*, *tá* thành ra *vay*, cũng như chữ *tả* quảng-đông (chữ nho là *đả*) thành ra chữ *voay* Cao-miên.

Nguồn-gốc chữ giã — Việt ngữ có sáu chữ *giã*: Việt nam tự-điển chép có năm: *giã* là bỏ vào cối mà đâm, *giã* là từ biệt, *giã* là tan vãn, hết, (nói về hội hè), *giã* là cảm tạ, giã dùng trong hai chữ kép giã giã và giã-giã. Còn một chữ *giã* nữa (giã cho tỉnh người ra) vì không được nhẵn-nhụi, nên tòa soạn bộ Việt nam tự-điển bỏ sót hoặc không muốn chép. Tòa soạn nghĩ thế cũng phải: khai trí còn không cần đến mà đoạn « giã nhau », huống chi lại đem thêm hai chữ tiếng-đức. Trong sáu chữ *giã* trên này, chữ *giã* là vãn, là hết, tôi chưa tìm thấy cỗi rễ. Còn năm chữ kia có lẽ nguồn gốc khác nhau:

(Còn nữa)

DÀO TRỌNG ĐỦ

ĐÃ XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả bình sinh sở đắc về chữ nho, tại sao bao nhiêu năm mang sách, nghiên nghẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mực, cái qui thức nhất định về sự học chữ nho, nay gom góp đã hoàn bộ sách này, cốt cống hiến quảng đại muốn học chữ nho có được cái lợi khi hoàn toàn để học lấy một mình được.

Toàn bộ 2 quyển — giá 4$00 thay 0$45

(không gửi lĩnh hóa giao ngân) tự chỗ

Hiệu sách Đông Tây, 195, phố hàng Bông — HÀ NỘI

Mua buôn, trừ 20,/ — cước phí về phần nhà xuất bản chịu

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 66 *Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài nối)

Quyển *Kiều* của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in lần năm 1920 (tr. 135) chép là «Thấy nàng mặn phấn tươi son, mừng thầm được mối bán buôn có lời». Quyển quốc-ngữ in năm 1943 (tr 510) chép là «Mừng thầm được buổi bán buôn có lời». *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Trường Bác-cổ, số A B 233, q 2, tờ 64 b) chép là «Thấy nàng mặt phấn mới son, mừng thầm được buổi bán buôn có lời». Phường-bản của Quan-văn-đường (tờ 66 a) chép là «Thấy nàng lạt phấn phai son, Mừng thầm được mối bán buôn có lời». Kinh-bản của cụ Kiều oán-Mậu (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 53 a), và *Vương Kim diễn tự* (bản sao của Bác-cổ, số A B 234, tờ 80 a) chép là «Thấy nàng mặn phấn tươi son, Mừng thầm được mối bán buôn có lời», và khua rằng: «Mặn phấn tươi son có bản chép là lạt phấn phai son, thì không phải. Câu ấy nghĩa là xem nhan-sắc Thúy Kiều có thể tô điểm son phấn cho tươi đẹp, nên được người làm mối, chắc là có lời».

— Các bản chép là «Mụ càng xua đuổi che liền, Lấy lời hung-hiểm, ép duyên Châu Trần». Duy phường bản chép là «Mụ càng sui dục che nên» thì không đúng.

— Hai bản quốc-ngữ, phường-bản và chú-thích viết «Khéo can gia của phả gia. Còn ai dám chửa vào nhà nữa đây». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là «Giống can gia của phá gia».

— Bản quốc-ngữ cũ (tr. 135), phường-bản và chú-thích chép «Này chàng Bạc-hạnh châu nhà, Cũng trong thân thích ruột-rà chẳng ai». *Vương Kim diễn tự* và kinh-bản chép «Có chàng Bạc-hạnh châu nhà, Cũng trong thân thích ruột-rà chẳng ai». Bản quốc-ngữ mới (tr. 512) chép «Này chàng... Cũng trong ...»

— Hai quyển quốc-ngữ, kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là «Nàng dầu quyết chẳng thuận tình, Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau». Chú thích và phường-bản chép là «Trái mình nẻo trước, lụy mình đến sau», Cụ Kiều-oán-Mậu chua rằng: «Chữ Trái lời có bản chép là trái người».

— «Thiếp như con én lạc đàn Phải cung rày đã sợ làn cây cong» do câu chữ nho «Kinh cung chi điểu, kiến khúc-mộc nhi cao phi», nghĩa là con chim sợ cung, thấy gỗ cong mà bay cao.

— «Cùng đường dần tính chữ tòng, Biết người biết mặt, biết lòng làm sao?» Tám chữ dưới do câu tục-ngạn của ta: «Tri nhân tri diện, bất tri tâm», nghĩa là biết người biết mặt, chẳng biết lòng.

— Các bản đều chép «Nữa khi muôn một thế nào», duy kinh-bản chép là «Sợ khi muôn một thế nào»! Phường bản, chú thích và *Vương Kim diễn tự* đều chép «Bắn hàm buôn hồ, chắc vào lưng đâu»; hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép là «buôn sói»: câu này do câu chữ nho ở trong *Kim cổ kỳ quan*: «Mại lang mãi hồ, tả khoán vô bằng», nghĩa là bán lang mua hổ, có văn-khế không làm gì; cứ như thế thì chữ sói phải hơn chữ hổ, vì lùm với hổ cùng một con.

— Các bản chữ nôm và quốc-ngữ cũ (1929, tr. 136) đều viết «Một nhà dọn-dẹp linh-đình, Quét sân đạt trác, rửa bình thắp nhang». Bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 517) chép «Một nhà dọn-dịp linh-đình». Kinh-bản viết là «Một nhà dọn-dịp lênh-chênh», và chua rằng «có bản chép là linh-đình», nhưng không định chữ nào là phải.

— Các bản chữ nôm và quốc-ngữ cũ (tr. 137) đều viết: «Thuyền vừa đỗ bến thảnh-thơi», duy bản quốc-ngữ mới (tr. 519) in là «Thuyền về» thì nhầm.

— Hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép «Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày!». Phường-bản và chú-thích chép là «tìm nơi bỏi người» thì sai, vì câu dưới có chữ «cũng nhà, cũng phường, cũng tay» thì chữ «mọi ngày» mới phải nghĩa.

— Câu «Đầu xanh đã tội tình gì? Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi!» Các bản chữ nôm đều viết «đền quá» mới phải nghĩa: nợ hồng-nhan quá nửa đời chưa đền xong. *Vương Kim diễn tự* (tờ 62 a) dịch là «Hồng-nhan trái, bán sinh đu, vị thường ô, nghĩa là nợ hồng-nhan quá nửa đời, chưa giả xong.

— Hai bản quốc-ngữ và *Vương Kim diễn tự* chép là «Giang-hồ quen thói vẫy-vùng, Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo». Kinh-bản, phường-bản và chú-thích chép là «Giang-hồ quen thú vẫy-vùng». Kể ra, chữ «thú» mới hay, vì «vẫy vùng ở giang-hồ» thì thường gọi là «thú», ít ai gọi là «thói». *(Còn nữa)*

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẬT SỰ

Số 42 — Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIX — Thập nhị sứ quân
(bài nối)

Về sự-tích mười hai sứ quân (966-968), mấy kỳ báo trước tôi đã đem các sử-ký và thần-tích chữ nho, dịch được bảy truyện, là truyện Ngô xương-Xí, Ngô-nhật-Khánh, Kiều-công-Hãn, Kiều-Thuận, Trần-minh Công, Nguyễn-Siêu và Nguyễn-thủ Tiệp. Còn năm sứ quân thì Nguyễn-Khoan đã chép ở trong truyện Nguyễn-Siêu; duy bốn sứ quân nữa, là Lý-Khuê xưng Lý Lãng-công, Lã-Đường xưng Lã Tá-công, Đỗ-cảnh-Thạc xưng Đỗ Cảnh-công, Phạm bạch-Hổ xưng Phạm Phòng-Ất thì trong sử không nói rõ, tìm ở các thần-tích chữ nho cũng chưa thấy.

(Năm 1938 trường Bác-cổ có nhờ quan Thống-sứ Bắc-kỳ thông sức các quan địa-phương đề hỏi thần-tích và phong-tục các làng; hiện các làng đã trả lời, trường Bác-cổ bằng chữ quốc ngữ. Tôi thấy ở huyện Văn-giang có làng thờ Lã Tá công, ở Thuận-thành có làng thờ Lý Lãng-công, so với sử chép thì đúng hoàn, nên tôi theo những lời trong tờ khai của các làng ấy, thuật lại dưới này:

Xã Bình-an, tổng Dương quang, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh, có đình thờ Lý Lãng-công làm thành-hoàng. Làng ấy khai rằng: « Có ngai thờ, không có tượng, chỉ có bài vị, mũ, áo, hia, đai, kiếm, hốt. Không có thần-tích, chỉ có tấm đạo sắc phong về năm thứ 5 hiệu Quang-trung (1792), năm thứ tư hiệu Cảnh-thịnh (1795) năm thứ 5 hiệu Bảo-hưng (?), năm thứ 6 hiệu Tự-đức (1853), năm thứ 33 hiệu Tự đức (1880), năm thứ 3 hiệu Duy-tân (1909) và năm thứ 9 hiệu Khải-định (1924). Ở thôn Đình (Đanh) thuộc xã Dương xá cũng có thờ, thường năm có lệ hai bên giao-hiếu với nhau ».

Xem đến tờ khai của thôn Đình (tên nôm gọi là Đanh) làng Dương-xá, tổng Dương-quang phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh, cũng khai rằng: « Thờ ở đình, có long ngai, bài vị, mũ, áo, cân, đai, kiếm, hốt đủ cả ». Thôn Đình không thấy sao thần-tích gửi cho trường Bác-cổ chỉ thấy khai rằng: « Sách chép tên húy thành-hoàng là Khuê, hiệu là Lãng-công, quán ở làng Đại-trạch (cùng tổng Dương-quang). Khi nhà Ngô đã suy kém, (965), ngài tự xưng sứ quân, lúng cứ bạt Siêu loại (tức Thuận-thành). Ngày 30 tháng 11 năm 968, ngài đánh nhau với Đinh Tiên-hoàng, bị thua trận, mất ở làng Dương-xá, dân Dương xá, (thôn Đình) lập đình thờ ngài, trải Lê, Lý, Trần, Lê sang hán-triều đều có sắc phong, đến sắc sau cùng là năm thứ 9 hiệu Khải-định (1924) phong làm « Anh mại cường trung đức-bảo trung-hưng đô-thống Lý-lãng-công trác-vĩ thượng-đẳng-thần ». Sử chữ nho chép: « Lý Khuê xưng Lý Lãng-công ở vùng Siêu loại » so với những tờ khai của các làng thờ, thì đúng lắm.

Xã Phụng-công tổng Phụng-công, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, khai rằng: « Xã ấy vẫn thờ Lã Tá Đường là thành-hoàng ». Sử chép « Lã Đường xưng Lã-tá Công » mà làng Phụng-Công lại gọi là « Lã Tá Đường » thế là gọi chung cả chức-tước và họ tên làm một, cũng như Triệu-Đà làm chức úy Nam-hải, mà người ta gọi là « Triệu-úy-Đà ». Làng Phụng-công lại khai rằng: « Thờ ngài ở đình, nguyên khu đất ấy xưa là cây cối, sau sửa sang dựng đình thờ. Có tượng đất có ngai, bài vị, mũ, áo, hia, đai, kiếm, hốt, đủ cả. Không có thần-tích chỉ thấy truyền-khẩu Ngài là một vị trong mười hai sứ quân về hồi cuối Ngô, đầu Đinh (968). Lúc ấy (tức năm 965) nhà Ngô đã suy, vua Đinh chưa nhất thống được, trong nước rối loạn. Ngài dẹp yên các đảng giặc cỏ, rồi xưng làm vua ở vùng Tế giang (nay là Văn-giang). Có sắc phong, từ đời cảnh hưng (1740-1786) đến giờ » Làng ấy có sao một đạo sắc (bằng chữ nho) ở năm thứ 9 hiệu Khải-định (1924) mà dịch ra như sau này:

« Sắc cho xã Phụng công, huyện Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, từ trước vẫn thờ vị thần, nguyên trước tặng là « Phủ ngự bảo-ninh tuy-tịnh-hoằng tín quang ý dực bảo trung-hưng thuy-mục linh huệ Lã trung-đẳng thần » giúp nước giúp dân, rất là linh ứng, đã nhiều lần được nhà vua phong sắc chuẩn cho xã ấy phụng thờ. Nay chính gặp tứ tuần đại-khánh tiết của Trẫm, đã ban ân chiếu bá-hành có lệ thăng trật. Vậy thăng lên làm « Trác-vĩ thượng-đẳng-thần » chuẩn cho xã ấy phụng thờ, để gia ý ơn tốt trong nước, nhà tỏ rõ phép thờ cúng của triều đình. Kính vâng lời sắc. Viết ngày 25 tháng 7 năm thứ 9 hiệu Khải định (1924)

(Còn nữa)

Ông-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

BỐN NĂM TRÊN ĐẢO CÁC-BA

Số 5

của VÂN-ĐÀI

Ở Các-ba, mọi cả người ở mà đẹp nhất là sở Vô tuyến điện. Sở làm trên một cái đồi, cao hai trăm thước. Bốn mặt trông ra là bể và núi. Gió mới luôn luôn thay đổi với cảnh trời. Một khu vườn con, đầy hoa đem từ Hạ hồi lại, ba gian nhà rộng về mùa xuân sớm bốm sương mờ lồng chung quanh cửa sổ, mùa thu bể lặng và trong, mơ màng như mắt đẹp một mỹ nhân. Cây đồi, gió núi êm-dịu nhẹ-nhàng, luôn luôn thỏ thẻ những lời vui vẻ chân thật. Bốn năm tôi đã sống qua quãng đời yên tĩnh, tịch mịch. Cuộc đời không giả dối, không danh lợi, tôi chỉ ước ao sống suốt đời nơi danh thắng ấy.

Cảnh với người lưu luyến, sẵn sưa nhau, như hai người bạn rất thân. Nhưng đời không chiều lòng người được như ước vọng.

Rồi một hôm tôi đã rời Các-bà ra đi, với muôn ngàn thương tiếc.

Sáng nay mây trắng bơ phờ.
Gió ngưng mặt rộng lau thưa bên ngõa
Bể sầu lệ ngọc trào tuôn
Chim ngơ ngẩn khúc đàn buồn buồn đênh!
Cỏ vườn đẫm lệ long-lanh
Mỗi đòng châu mỗi cảm tình biệt ly.
Nước than thở dưới lòng khe
Nhớ ai núi đứng sầu bi chân trời
. . . . . .
Ra đi bước chẳng nỡ rời
Bao lòng đau tiếc bao lời xót xa...
Muốn ôm vũ trụ bao la
Siết vào bên trái tim ta muôn đời

Ba năm sương gió khi vạn tượng khi Mường-sinh, phong-cảnh Ai lao tuy bi hiểm lạ lùng, nhưng vẫn kém bề sáng sủa và trong sạch của Cac-bà. Một hôm, tôi lại trở về Các-bà như đi thăm một người bạn cũ.

Ba năm một bữa trở về,
Cây vòn mái tóc, hoa kề áp môi.
Yên đương dậy lại đầy trời,
Lòng ơi! đường cũ núi đồi còn đây.
Bể mừng muôn đợt sóng ngầy,
Núi tươi xuân ý, gió hây mạch đời,
Ba năm xa cách núi đồi.
Giờ sương ngao ngán lòng người trắng đen...

Ai qua đường ấy...

Các-bà là nơi gần biển thủy và có đội chỗ không đi lại được. Khách du ngoạn ra đấy, nếu không có người quen, tưởng cũng khó lòng đi đến.

Đường đi từ Hảiphòng ra tuy gần nhưng rất e dè sóng gió. Những người lạ, chưa quen sóng, một lần ra gặp sóng, có lẽ tưởng không bao giờ dám đi nữa.

Đường thuận-tiện hơn hết, nên bắt đầu từ Hongay. Ra Hongay, thuê một cái thuyền « Rồi » của bọn đánh cá người Nam, thứ thuyền đấy sạch-sẽ hơn cả và có thể đi vài ba ngày. Nếu muốn đi nhanh hơn, có thể thuê tàu con của hãng La pique (ở Bãi Cháy). Bắt đầu từ đấy, người ta có thể ra xem các hang ở vịnh Hạ-long và rồi cứ đường thẳng ra đến Các ba. Khi về, nếu trời yên sóng lặng, có thể đang thuyền từ Cac bà về Cát-hải, Ninh tiếp, Haiphong một cách chắc chắn. Cũng nên chú ý đến thời tiết. Từ tháng ba đến tháng bảy bao giờ cũng thường là những tháng sóng gió to. Cũng có một đường khác không sợ gì sóng gió. Đường ấy khởi từ Đồ-sơn, hôm qua mặt biển yên lặng, một con thuyền lướt sóng ra Các-ba, chỉ độ ba giờ đồng hồ là đến. Vì Các-ba trước mặt bãi bể Đồ-sơn. Trời quang, hai bên [illegible] trông rõ được.

Đến Cac-ba, khách du-ngoạn nên vào qua tòa Đại-lý, xin tiếp ông Đại-lý, để xem các nơi, bao giờ cũng vẫn có bề dễ dãi hơn.

(Hết)

VÂN-ĐÀI

Sau bài « Bốn năm trên đảo Các-ba » này, Tri-Tân sẽ đăng đến thiên lữ-ký « Hai tháng ở gò Óc-eo » của Biệt-lam Trần Huy-Bá. Xin các bạn đón coi.

Tri-Tân số 160 sẽ là đặc san về

Thu (1944)

Trong có những bài như :

Thu *(chép những việc lịch-sử đã xảy vào mùa thu)*

HOA-BẰNG

Mồng tám tháng tám, ngày chúa Nguyễn Phúc-Ánh khắc phục Sài-gòn lần thứ tư

THỌ-XUÂN

Mùa thu với cuộc đời

KIỀU-THANH QUẾ

Và những bài :

Khảo cứu rất công phu của Ứng-hoè Nguyễn-văn-Tố, Tiên-Đàm, Nhật-Nham...

Phỏng-vấn các ông Nghè của Phạm Mạnh Phan ;

Thơ của Ngân-Giang, Vân-Đài, Trác Khê, Giản-Chi, Gách-Chu v.v.

Một đề nghị...

(Tiếp theo trang 2)

những văn thơ nôm của hầu để lại, thấy khác hẳn với giọng văn trong bản dịch *Chinh phụ ngâm* thì nay cũng chưa dám quả quyết rằng bản dịch bắt đầu bằng câu « *thuở giới đất nổi cơn gió bụi* » là của hầu được.

Nếu dùng quen đi thì rồi đây những chữ thị và hầu ấy cũng sẽ thành những tiếng gắt nhã. Mà ta sẽ tránh được sự bất bình đẳng trong cách xưng hô. Vì nếu kêu Đoan thị Điểm là bà và gọi Phan Huy Ích là cụ thì nghe nó vẫn thế nào ấy, bởi chưng đối với Phan Đoàn là bực tiền bối; vậy sao nay lại tôn xưng một người sinh sau là cụ mà gọi một bậc tiền bối là bà?

Còn đối với người đồng thời, ta nên theo cái lối kêu « họ » mà thêm chữ « quân » ở dưới (như Nguyễn-quân, Ngô-quân, v. v.), thiết tưởng cũng nhã. Nếu một đôi khi gặp phải trường hợp hai người trùng họ thì ta cũng có thể liệu cách mà tránh sự nhầm lẫn: hoặc kêu thêm chữ đệm, hoặc gọi thẳng cả tên.

Xin tóm tắt nhắc lại:

Trừ những trường-hợp đặc-biệt không kể, ta nên dùng thị và hầu để kêu người đã quá cố; dùng họ để gọi người đồng thời; như vậy có lẽ sẽ gây được tinh thần nhất trí trong khi viết và bớt được sự bất bình đẳng trong cách xưng-hô.

Còn những tiếng ông, bà, cụ, ngoài biến-lệ cần dùng đối với những người đang sống hoặc đã mất, chỉ nên dùng trong lúc hội đàm mà thôi.

Nhưng điều chế văn tự không phải là quyền riêng của một người hay của một đoàn thể. Sự đó cốt ở đại chúng thừa nhận.

H. B.

Tinh thần quân nhân

(Tiếp theo trang 5)

chẳng qua mười ngày là xong việc » (8).

Quân sĩ nghiêm chỉnh kéo ra Bắc, theo đúng như nhời nói, việc làm của nhà vua thân mặc giáp, cưỡi voi làm đại tướng cho nên quét một trận, trong khoảng 10 ngày, mà quân Thanh tan vỡ,

Cái cơ toàn thắng một phần ở chiến lược của chủ suý, nhưng há không phải nhờ ở cả tinh thần quân đội đó sao!

Xem thế thì biết tinh thần quân nhân v ệt-nam thời nào cũng có lúc nào cũng có Người phê bình về binh bị cần phải thận-trọng chớ nên phán đoán vội vàng chỉ làm một trò cười cho những thức giả.

TIÊN ĐÀM

(8) coi *Quang Trung tập II* của *Hoa Bằng*.

Đã có bán:

Câu chuyện văn học

của Thiếu-Sơn *Giá: 4$00*

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nhẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng lặng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiếu-Sơn đã nói trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được ở Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan

Tức Hoa Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0$50

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 6 Rue Takou — Hanoi

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI

của Lương-đức Thiệp *Giá: 2$50*

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tính cách đẳng cấp trong văn-học Việt-Nam — xu-hướng xã hội trong văn học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN:

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH

nghiên-cứu của Nguyễn uyên Diễm

VIẾT VÀ SỐNG

của Nguyễn xuân Huy

CON MỘT ÍT:

MẸ TÔI *gia đình tiểu thuyết*

của Nguyễn khắc Mẫn *Giá: 3$80*

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN

của bà Mộng Sơn *Giá: 2$50*

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lống An-Tư công-chúa và Thoát-Hoan, đục thư quốc mưu đã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 11

Vua Thiệu-Bảo đỡ Đại-vương và nói:

— Quốc-công không phải giữ lễ.

Lòng vua đã trở lại tỉnh như thường. Quốc-công như cỗ một uy quyền kỳ dị. Giữa lúc mọi người hoang mang, hoài nghi và chán nản. Đại-vương đem lại một nguồn nghị lực dồi dào. Lòng tin đã bị lung lay trong thâm tâm vua nay đã gần như chồn vững. Chiêu thành vương liếc mắt nhìn Quốc-công: Đại-vương như tất cả dân ông họ Trần, người cao lớn, nhưng đặc biệt nhất là vai rất nở, mắt rất tinh, tuổi già càng thêm quắc thước. Vương đã nhiều lần gặp Quốc-công, nhưng không bao giờ thấy vị đồng, nhung dẹp và khôi vỹ như thế. Có lẽ trường tranh-chiến ác liệt đã làm rắn tâm can, và mài rũa thêm tài sẵn có của Đại-Vương.

Quốc-công tâu:

— Để cho Quan-gia phải nhọc thân, lão phu thực mang tội chết.

Vua nói:

— Quốc-công trăm nghìn việc không mỗi tục rời quân sĩ được, đáng lẽ thì trẫm phải đến Vạn-kiếp mới phải..

— Quốc-gia không luận tội là may. Lão phu thân làm đại tướng, mà đến nỗi bao binh tồn tướng, bỏ thành mất đất, thực là hổ thẹn vô cùng. Chẳng hay Quan-gia vời lão-phu đến có việc gì?

— Trẫm thấy nội thế giặc mạnh, lo lắm. Không phải quân ta không cố sức, tướng sĩ không tận lâm, nhưng chỉ vì quân giặc quá nhiều, lại thạo nghề tranh chiến, mấy bữa nay, lòng trẫm lại càng thương cảm. Trẫm nghe: « Trảm đất cướp quyền, giết người đầy nơi đồng nội. » Dân ta có tội tình gì, nghĩ đến kẻ cha mẹ không người nương tựa, trẻ thơ toàn một lũ mồ côi, trẫm ái ngại lắm. Huống chi họ ta lên làm vua, ân huệ chưa tràn đủ cho thiên hạ, mà bắt bách tình lầm than cơ cực như thế này trẫm càng không nỡ...

Ngập ngừng một lát, vua nói tiếp:

— Hay là trẫm hãy tạm hàng đi đã rồi sẽ liệu sau...

Vị Đại vương mà tất cả biến cố trong đời đều không làm rung chuyển được lòng, nghe vua nói đến đấy cũng hơi biến sắc mặt. Quốc-công nhìn vua, lâu lâu chậm rãi nói:

— Quan-gia nói thế thực là lời nhân đức, nhưng còn tông miếu xã tắc thì sao?

Lời nói thấm thía cố công. Giọng chuyển giọng, Quốc-công trụ khăn, quỳ xuống, cất lời khẳng khái tâu rằng:

— Quan-gia muốn hàng, xin rước hết chém đầu lão phu đi đã.

Giọng Quốc-công đã hay, lời Quốc-công lại mạnh, câu nói danh thép đầy tự tin, như đội một luồng sinh khí vào ông vua Lê hèn vì do dự. Bao nhiêu lòng hoài nghi tan hết, vua như tỉnh giấc một con mê. Vua nâng Đại vương dậy, thẹn thò vì lời nói lẻo nhẻo và bất lịch sự của mình. Tất cả những người đứng chung quanh ngây người vì cần đáp tần rồ, nhìn cả vào Quốc-công, lòng dâng hương kính ái, và mạch máu cuồn cuộn say sưa phấn đấu. Tiếng đáp còn quyện trong gió mây. Chiêu-Thành vương cũng ngạc nhiên vì câu nói bất ngờ của vua Thiệu-Bảo, chàng lại nhận thấy nỗi thẹn của vua. Chàng có cảm tưởng rằng khi ấy Quốc-công là một Lê quốc dẫn đường. Ngay trong lòng chàng những tro tàn chán nản cũng biến thành những than hồng tin tưởng.

Vua nói:

— Trẫm hồi đã làm phiền Quốc-công. Chỉ vì trẫm quá lo và thương dân, nên mới có ý quy hàng. Xin Quốc-công lượng cho.

Hưng-đạo nói:

— Quan-gia lo là phải lắm. thương là phải lắm, nhưng lão phu liệu thế giặc, xem tình nước, non sông chưa đến nỗi nào. Quân giặc có được, quân ta có thua, đất đai có mất, tướng sĩ có nản đến tâm sự trấn động, tình thế có nghiêm trọng, nhưng những cái

độ chỉ là bề ngoài và nhất thời. Nội tình của ta vẫn vững vàng và thực lực của ta có thể nại cứu. Quân Nguyên như quả đọp, nhưng con sâu đã đục sẵn ở trong, riêng vì sự bạt thiệp sơn xuyên, dài tải nặng nhọc, cũng đã yếu rồi. Còn quân ta như quả đương chín, mới trông còn xanh, có nhạo rõ mới hiểu nhựa sống rất nhiều.

Riêng một việc cứ quốc đồng tâm, tướng sĩ một lòng phò tá cũng đủ đuổi giặc rồi. Đó là cái thế thắng sau này, sao ta lại nỡ phụ ý dân để chuốc tiếng xấu cùng thiên hạ? Vả lại, giữ được thì có cớ còn thúc thủ bỏ đi thì mất không bao giờ lấy lại được. Mà trong việc đánh nhau, người thắng không cần khỏe mà cần phải dài. Quan-gia chắc còn nhớ gương Cao Tổ nhà Hán vậy. Đến như việc thương dân, lòng từ-bi của Quan-gia, lão phu thực không sánh kịp. Nhưng chỉ nghĩ: thương dân không cứ phải thương lỗ đương thời, còn phải thương đến con cháu về muôn đời sau nữa.

Đó là suy rộng mà nói đó thôi. Thực ra tình thế vẫn vững. Lão phu về Vạn-kiếp, quân tướng cũ còn nhiều, lại mới khỏi quân mới tất cả được 10 vạn quân. Kể cả số quân đóng ở kinh thành và các nơi, tổng số trên hai mươi vạn, còn đủ tranh hùng cùng rợ dữ bảo vệ xã tắc, đã có điều chi đáng ngại, cứ xin Quan gia cứ yên tâm. Việc rối ta gỡ dần, rồi ắt gỡ được. Lão-phu quyết không phụ lòng ủy thác của Quan gia, và lòng dân tin cậy. Lão phu đã có mưu đuổi giặc.

Lòng vua thắt chặt, đến đây hoàn toàn cởi mở. Vua cảm thấy một nguồn vui mênh mang tràn ngập lòng, vô cùng êm dịu. Tất cả những khó khăn đều có thể san phẳng được, trong ý vua. Mặt vua mấy bữa nay rầu rầu đột nhiên trở nên tươi tỉnh, lời nói biến thành mạnh mẽ!

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được:

1) VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ HỘI của *Lương đức Thiếp* — Đại học thư xã xuất bản — giá 2$50.

2) NỬA ĐÊM truyện thôn quê của *Nam Cao* — Cộng lực xuất bản — giá 2$00

3) HAI BÀ TRƯNG KHỞI NGHĨA của Nguyễn tế My biên khảo — Tập chí Văn Mới số 40-41, của Hàn Thuyên — giá 5$00.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

TRI TÂN

MUỐN CON HIỀN, CHÁU THẢO
TRONG NHÀ PHẢI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH
(có nguyên-văn chữ Hán)
Giá: 1$20

ĐÃ CÓ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3$80
Lịch-sử Báo-Chí	2$00
Nghệ-thuật và danh giáo	2$50
Phụ-nữ Việt-Nam	2$50
Khổng-Tử học-thuyết I	4$50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5$00

QUỐC-HỌC
HƯ-XÁ HANOI XUẤT BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn:

TRUYỆN RỪNG XANH
Phạm xuân Đẩy phỏng-thuật
Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG
bản dịch Pháp văn của Hoàng hữu Xứng và A. GRIOU
Bình-phẩm cuốn này, Cô Cadière đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục sức tranh công còn tự nhiên, phổ-thông và có vẻ « gai-nam » nhiều hơn hai thi. dày 150 trang khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.
Giá quyển bản thường 1$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00
Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

KINH DỊCH

một bộ sách cổ nhất Đông Phương ! lạ nhất nhân loại !

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

Giấy thường 30$00

Giấy Dó (*hộp lụa*) 75,00

Giấy Bạch minh châu (hộp gấm) 200,00 (hết)

thêm cước gửi 5,00

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH – Hanoi

TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU DẪN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4$00

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC

NGÀY 10 10-1944 SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA TƯ TRÀO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71 Tiên Tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

Sách Vở *đã có bán*

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis soạn Hồ Đạo dịch một quyển giáo khoa, đào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quí này có một cái sức cảm hóa to lắm...

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

Giá 4$00 cước 0 80

đang in

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải Tùng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. « Ý chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này...»

Giá 2$00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

đã có *Hàng hóa*

ÁO ĐI MƯA ÍCHLAN

Bằng lụa tơ sơn ta mười mấy năm kinh-nghiệm, nhiều chứng-thư ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI DAY SƠN

màu giả da (simili-cuir)

dùng để may áo mặc rét làm mui xe, áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHẨM TRUYỀN THẦN

Giống như hệt, đẹp tuyệt trần thật là một công-nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh kịp.

Vị nào muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa-chỉ và 0.10 tem về

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » – mồng năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai phòng

Phố Yên Lưu Kinh môn Haidương

REVUE TRI-TAN Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phương Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme Hanoi